

Số: 94 /TB-PNV

Củ Chi, ngày 24 tháng 01 năm 2025

THÔNG BÁO

**Kết quả họp Hội đồng xét nâng bậc lương trước thời hạn
do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ năm 2024**

Căn cứ kết quả họp Hội đồng xét nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ năm 2024, Phòng Nội vụ thông báo kết quả cụ thể như sau:

- Hội đồng thống nhất nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ năm 2024 đối với 352 trường hợp theo Phụ lục 1 đính kèm.
- Hội đồng không thống nhất nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ năm 2024 đối với 18 trường hợp theo Phụ lục 2 đính kèm.

Phòng Nội vụ thông báo đến các cơ quan chuyên môn huyện, các đơn vị sự nghiệp huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn được biết, thuận tiện trong giải quyết các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức./.

Nơi nhận:

- Các cơ quan chuyên môn huyện;
- Các đơn vị sự nghiệp huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT,PTT

TRƯỞNG PHÒNG



Trần Thị Ngọc Dung



PHỤ LỤC 1
DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN NÂNG BẬC LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN
DO LẬP THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2024
(Kèm theo Thông báo số 94/TB-PNV ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Trưởng Phòng Nội vụ huyện)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã ngạch hoặc mã CDNN	Bậc, hệ số lương hiện hưởng				Bậc, hệ số lương đề nghị			Số tháng NLTH	Thành tích
							Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau	Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
1	Nguyễn Thị Hằng	30/10/1979	x	Phó Chủ tịch UBND huyện	UBND huyện Củ Chi	01.003	8	4,65	01/01/2022	9	4,98	01/01/2024	12		- Bảng khen của UBND Thành phố và UBMTTQ Thành phố năm 2021 (có thành tích xuất sắc trong công tác bầu cử NK21-26) - Bảng khen của UBND Thành phố năm 2021; Bảng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2022 (có thành tích xuất sắc trong công tác hỗ trợ phòng, chống dịch COVID-19) - CSTĐTP năm 2023
2	Nguyễn Chí Toàn	20/07/1985		Phó Chánh Văn phòng	Văn phòng HĐND và UBND	01.003	4	3,33	01/06/2022	5	3,66	01/06/2024	12		- Bảng khen của UBND Thành phố năm 2020 (HTXSNV 02 năm liên tục) - CSTĐCS năm 2020, 2023
3	Lê Bình An	18/09/1987		Chuyên viên	Văn phòng HĐND và UBND	01.003	3	3,00	01/07/2022	4	3,33	01/07/2024	12		- CSTĐCS năm 2022, 2023
4	Võ Thành Luân	13/08/1988		Chuyên viên	Văn phòng HĐND và UBND	01.003	3	3,00	01/06/2022	4	3,33	01/06/2024	12		- CSTĐCS năm 2021 - LĐT năm 2023
5	Mai Nghi Xuyên	11/01/1981	x	Chuyên viên	Văn phòng HĐND và UBND	01.003	3	3,00	01/10/2022	4	3,33	01/10/2024	12		- CSTĐCS năm 2022, 2023
6	Lê Thị Xuân Mai	01/09/1983	x	Chuyên viên	Văn phòng HĐND và UBND	01.003	4	3,33	01/02/2022	5	3,66	01/02/2024	12		- LĐT năm 2022 - CSTĐCS năm 2023

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã ngành hoặc mã CDNN	Bậc, hệ số lương hiện hưởng			Bậc, hệ số lương đề nghị			Số tháng NL/TH	Thành tích
							Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau	Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
7	Nguyễn Thị Hương	27/02/1982	x	Phó Trưởng phòng	Phòng Tư pháp	01.003	7	4,32	01/08/2022	8	4,65	01/08/2024	12	- CSTDCS năm 2021, 2023
8	Đinh Minh Quân	23/11/1989		Phó Trưởng phòng	Phòng Tài nguyên và Môi trường	01.003	4	3,33	01/06/2022	5	3,66	01/06/2024	12	- CSTDCS năm 2020 - LDTT năm 2023
9	Ngô Thị Thanh Loan	13/10/1987	x	Phó Trưởng phòng	Phòng Tài nguyên và Môi trường	01.003	5	3,66	01/11/2022	6	3,99	01/11/2024	12	- CSTDCS năm 2020 - LDTT năm 2023
10	Nguyễn Văn Cường	21/09/1981		Chuyên viên	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	01.003	5	3,66	01/12/2022	6	3,99	01/12/2024	12	- Bảng khen của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2022 (có thành tích xuất sắc trong công tác Mặt trận giải đoàn 2017-2022)
11	Bùi Thanh Hiền	08/08/1985	x	Chuyên viên	Phòng Y tế	01.003	4	3,33	01/11/2022	5	3,66	01/11/2024	12	- LDTT năm 2022 - CSTDCS năm 2023
12	Trần Thị Linh Cơ	10/05/1985	x	Chuyên viên	Phòng Y tế	01.003	5	3,66	01/03/2022	6	3,99	01/03/2024	12	- LDTT năm 2022 - CSTDCS năm 2023
13	Nguyễn Quốc Huy	08/06/1977		Phó Trưởng phòng	Phòng Quản lý Đô thị	01.003	6	3,99	01/10/2022	7	4,32	01/10/2024	12	- LDTT năm 2022 - CSTDCS năm 2023
14	Nguyễn Văn Tuấn	20/07/1986		Chuyên viên	Phòng Quản lý Đô thị	01.003	3	3,00	01/10/2022	4	3,33	01/10/2024	12	- LDTT năm 2022 - CSTDCS năm 2023
15	Trần Thị Minh Mẫn	05/01/1985	x	Chuyên viên	Phòng Quản lý Đô thị	01.003	5	3,66	01/02/2022	6	3,99	01/02/2024	12	- LDTT năm 2021 - CSTDCS năm 2022
16	Nguyễn Thanh Thảo	23/03/1986	x	Chuyên viên	Phòng Kinh tế	01.003	5	3,66	01/06/2022	6	3,99	01/06/2024	12	- Bảng khen của UBND Thành phố năm 2023 (có thành tích xuất sắc trong công tác quản lý, thu - nộp, thanh quyết toán Quý phòng, chống thiên tai tại Thành phố giai đoạn 2021-2023) - CSTDCS năm 2023
17	Phạm Văn Luân	01/01/1984		Chuyên viên	Phòng Kinh tế	01.003	3	3,00	01/09/2022	4	3,33	01/09/2024	12	- Bảng khen của UBND Thành phố năm 2023 (có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, công tác bảo vệ rừng, phòng, chống cháy rừng năm 2022) - LDTT năm 2022 - CSTDCS năm 2023
18	Lê Thị Hồng Gấm	22/08/1985	x	Chuyên viên	Phòng Tài chính - Kế hoạch	01.003	3	3,00	01/10/2022	4	3,33	01/10/2024	12	- LDTT năm 2022 - CSTDCS năm 2023
19	Trần Thị Nam Chi	18/06/1979	x	Chuyên viên	Phòng Văn hóa và Thông tin	01.003	6	3,99	01/08/2022	7	4,32	01/08/2024	12	- Bảng khen của UBND Thành phố năm 2024 (HTXSNNV 02 năm liên tục)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã ngạch hoặc mã CDNN	Bậc, hệ số lương hiện hưởng				Bậc, hệ số lương đề nghị				Số tháng NLTH	Thành tích
							Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau	Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau	Bậc	Hệ số		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13			15	
20	Võ Thị Thu Hồng	02/3/1975	x	Chủ tịch UBND	xã Phước Vĩnh An	01,003	7	4,32	01/04/2022	8	4,65	01/04/2024			12	- Bảng khen của UBND Thành phố năm 2022 - CSTĐCS năm 2022
21	Đặng Phương Loan	10/07/1990	x	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	xã Phước Vĩnh An	01,003	1	2,34	17/01/2022	2	2,67	17/01/2024			12	- CSTĐCS năm 2023 - LĐT năm 2022
22	Ngô Thị Mỹ Ý	04/04/1989	x	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	xã Nhuận Đức	01,003	1	2,34	01/11/2022	2	2,67	01/11/2024			12	- CSTĐCS năm 2023 - LĐT năm 2022
23	Trương Nữ Hoàng Thanh Bình	07/09/1975	x	Bí thư Đảng ủy	thị trấn Củ Chi	01,003	8	4,65	01/04/2022	9	4,98	01/04/2024			12	- CSTĐCS năm 2022, 2023 - Bảng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố năm 2023
24	Võ Văn Phượng	01/01/1979		Phó Bí thư Đảng ủy	thị trấn Củ Chi	01,003	5	3,66	01/09/2022	6	3,99	01/09/2024			12	- LĐT năm 2022. - CSTĐCS năm 2023
25	Huỳnh Thị Huyền Trân	09/01/1988	x	Phó Chủ tịch UBND	thị trấn Củ Chi	01,003	4	3,33	01/10/2022	5	3,66	01/10/2024			12	- CSTĐCS năm 2022, 2023
26	Huỳnh Phúc Khang	15/11/1992		Phó Chủ tịch UBND	xã Phước Hiệp	01,003	3	3,00	01/06/2022	4	3,33	01/06/2024			12	- Bảng khen của UBND Thành phố năm 2023 - Chiến sĩ thi đua Thành phố (năm 2021-2023)
27	Nguyễn Thị Kim Tuyền	04.01/1979	x	Tư pháp - Hộ tịch	xã Phước Hiệp	01,003	3	3,00	01/01/2022	4	3,33	01/01/2024			12	- CSTĐCS năm 2023 - LĐT năm 2022
28	Lữ Trung Hưng	20/08/1993		Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường	xã Phú Mỹ Hưng	01,003	1	2,34	01/04/2022	2	2,67	01/04/2024			12	- CSTĐCS năm 2022, 2023
29	Huỳnh Cao Kim Phi	10/05/1981	x	Phó Chủ tịch UBND	xã An Nhơn Tây	01,003	4	3,33	01/02/2022	5	3,66	01/02/2024			12	- CSTĐCS năm 2023 - LĐT năm 2022
30	Bùi Anh Thi	02/09/1985	x	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	xã An Nhơn Tây	01,003	1	2,34	01/11/2022	2	2,67	01/11/2024			12	- CSTĐCS năm 2023 - LĐT năm 2022
31	Nguyễn Tấn Đạt	01/02/1985		Tư pháp - Hộ tịch	xã An Nhơn Tây	01,003	3	3,00	01/09/2022	4	3,33	01/09/2024			12	- CSTĐCS năm 2022 - LĐT năm 2023
32	Dương Quốc Trung	25/08/1978		Bí thư Đảng ủy	xã Phú Hòa Đông	01,003	6	3,99	01/07/2022	7	4,32	01/07/2024			12	- CSTĐCS năm 2021,2022,2023
33	Hoàng Thị Ánh Nguyệt	31/08/1981	x	Chủ tịch UBND	xã Phú Hòa Đông	01,003	7	4,32	01/09/2022	8	4,65	01/09/2024			12	- CSTĐCS năm 2022,2023

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã ngạch hoặc mã CDN	Bậc, hệ số lương hiện hưởng			Bậc, hệ số lương đề nghị			Số tháng NLTH	Thành tích
							Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau	Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
34	Lê Thị Thu Hiền	24/09/1983	x	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	xã Phú Hòa Đông	01.003	1	2,34	12/05/2022	2	2,67	12/05/2024	12	- CSTDCS năm 2018, 2019
35	Lâm Hồng Quân	25/06/1987		Phó Chủ tịch UBND	xã Phú Hòa Đông	01.003	4	3,33	01/02/2022	5	3,66	01/02/2024	12	- CSTDCS năm 2019, 2020
36	Lê Thị Minh Đan	13/07/1982	x	Chủ tịch UBND	xã Tân Thành Tây	01.003	5	3,66	01/7/2022	6	3,99	01/7/2024	12	- Bảng khen của UBND Thành phố năm 2022 - CSTDCS năm 2023
37	Võ Thị Huỳnh Tiên	15/06/1978	x	Phó Bí thư Đảng ủy	xã Tân Thành Tây	01.003	5	3,66	01/02/2022	6	3,99	01/02/2024	12	- CSTDCS năm 2021, 2023
38	Huỳnh Kim Nhuận	10/06/1979	x	Phó Chủ tịch UBND	xã Tân An Hội	01.003	3	3,00	01/11/2022	4	3,33	01/11/2024	12	- CSTDCS năm 2023 - LDTT năm 2022
39	Bùi Thị Xuân Thảo	03/02/1981	x	Phó Chủ tịch UBND	xã An Phú	01.003	4	3,33	01/09/2022	5	3,66	01/09/2024	12	- CSTDCS năm 2022 - LDTT năm 2023
40	Nguyễn Thị Mỹ Linh	30/11/1983	x	Chủ tịch UBND	xã Trung Lập Thượng	01.003	6	3,99	01/08/2022	7	4,32	01/08/2024	12	- CSTDCS năm 2023 - LDTT năm 2022
41	Thái Thị Tuyết	12/08/1982	x	Văn phòng - Thông kê	xã Trung Lập Hạ	01.003	4	3,33	01/09/2022	5	3,66	01/09/2024	12	- CSTDCS năm 2022 - LDTT năm 2023
42	Lê Thị Thuý Tiên	26/03/1988	x	Phó Chủ tịch UBND xã	xã Trung Lập Hạ	01.003	4	3,33	01/02/2022	5	3,66	01/02/2024	12	- CSTDCS năm 2023 - LDTT năm 2022
43	Nguyễn Phước Lộc	05/10/1986		Văn hóa - Xã hội	xã Tân Thành Đông	01.003	6	3,99	01/11/2022	7	4,32	01/11/2024	12	- CSTDCS năm 2022, 2023
44	Nguyễn Thị Thanh Phương	25/09/1995	x	Bí thư Đoàn TNCS HCM	xã Tân Thành Đông	01.003	1	2,34	01/01/2022	2	2,67	01/01/2024	12	- CSTDCS năm 2023 - LDTT năm 2021
45	Phạm Thị Mộng Tuyền	03/07/1987	x	Phó Chủ tịch UBND	xã Tân Thành Đông	01.003	5	3,66	01/8/2022	6	3,99	01/8/2024	12	- CSTDCS năm 2023 - LDTT năm 2022
46	Dương Ngọc Loan	05/01/1988	x	Phó Chủ tịch UBND	xã Tân Thành Đông	01.003	4	3,33	01/02/2022	5	3,66	01/02/2024	12	- CSTDCS năm 2023 - LDTT năm 2022
47	Nguyễn Thanh Bình	08/03/1982		Bí thư Đảng ủy	xã Bình Mỹ	01.003	5	3,66	01/9/2022	6	3,99	01/9/2024	12	- Bảng khen của UBND Thành phố năm 2021 - CSTDCS năm 2021, 2022, 2023
48	Phạm Thị Bạch Như	01/02/1987	x	Phó Bí thư Đảng ủy	xã Bình Mỹ	01.003	3	3	01/07/2022	4	3,33	01/07/2024	12	- CSTDCS năm 2022 - LDTT năm 2023
49	Đặng Minh Tâm	01/12/1978		Phó Chủ tịch UBND	xã Hòa Phú	01.003	5	3,66	01/8/2022	6	3,99	01/8/2024	12	- CSTDCS năm 2023 - LDTT năm 2022
50	Lê Thành Dương	22/03/1984		Phó Chủ tịch UBND	xã Hòa Phú	01.003	3	3 ⁴	01/06/2022	4	3,33	01/06/2024	12	- CSTDCS năm 2022, 2023

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã ngành hoặc mã CDNN	Bậc, hệ số lương hiện hưởng				Bậc, hệ số lương đề nghị			Số tháng NLTH	Thành tích
							Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau	Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
51	Đỗ Minh Tấn	15/06/1982		Phó Bí thư Đảng ủy	xã Phước Thạnh	01.003	6	3,99	01/09/2022	7	4,32	01/09/2024	12	- CSTĐCS năm 2022, 2023	
52	Nguyễn Văn Sáu	01/07/1965		Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường	xã Phước Thạnh	01.003	7	4,32	01/7/2022	8	4,65	01/07/2024	12	- Bằng khen của UBND Thành phố năm 2022, 2023 - CSTĐCS năm 2023	
53	Lê Ngọc Diệp	03/05/1990	x	Văn phòng - Thông kê	xã Tân Phú Trung	01.003	2	2,67	01/11/2022	3	3,00	01/11/2024	12	- Bằng khen của UBND Thành phố năm 2024	
54	Phạm Quốc Đình	08/02/1986		Văn hóa - Xã hội	xã Thái Mỹ	01.003	3	3	01/08/2022	4	3,33	01/08/2024	12	- CSTĐCS năm 2021 - LĐT năm 2023	
55	Huỳnh Thị Tuyết Nhung	14/02/1995	x	Giáo viên	Trường Mầm non An Nhơn Tây	V.07.02.26	2	2,41	01/05/2022	3	2,72	01/05/2024	12	CSTĐCS NH 2021-2022; LĐT NH 2022-2023;	
56	Vương Mỹ Tiên	25/02/1990	x	Giáo viên	Trường Mầm non An Nhơn Tây	V.07.02.26	2	2,41	01/05/2022	3	2,72	01/05/2024	12	CSTĐCS NH 2020-2021; LĐT NH 2022-2023;	
57	Nguyễn Thị Trúc Phương	26/11/1990	x	Giáo viên	Trường Mầm non An Nhơn Tây	V.07.02.26	2	2,41	01/05/2022	3	2,72	01/05/2024	12	CSTĐCS NH 2021-2022; LĐT NH 2022-2023;	
58	Phạm Thị Phương Hồng	22/03/1987	x	Giáo viên	Trường Mầm non An Nhơn Tây	V.07.02.26	3	2,72	01/10/2022	4	3,03	01/10/2024	12	CSTĐCS NH 2021-2022; LĐT NH 2022-2023;	
59	Trần Thị Kim Thanh	20/09/1971	x	Giáo viên	Trường Mầm non An Nhơn Tây	V.07.02.25	8	4,65	01/05/2022	9	4,98	01/10/2024	12	CSTĐCS NH 2023-2024; LĐT NH 2022-2023;	
60	Nguyễn Thùy Hương	18/10/1986	x	Nhân viên Kế toán	Trường Mầm non An Nhơn Tây	06.032	8	3,26	01/05/2023	9	3,46	01/05/2024	12	CSTĐCS NH 2023-2024; LĐT NH 2022-2023;	
61	Nguyễn Thị Kiều Oanh	22/09/1978	x	Giáo viên	Trường Mầm non An Nhơn Tây	V.07.02.26	8	4,27	01/09/2022	9	4,58	01/09/2024	12	CSTĐCS NH 2023-2024; LĐT NH 2022-2023;	
62	Lý Thanh Thúy	06/12/1987	x	Giáo viên	Trường Mầm non An Phú	V.07.02.25	5	3,66	01/09/2022	6	3,99	01/09/2024	12	CSTĐCS NH 2022-2023; LĐT NH 2021-2022;	
63	Nguyễn Ngọc Lanh	20/05/1985	x	Kế toán viên	Trường Mầm non An Phú	06.031	4	3,33	01/07/2022	5	3,66	01/07/2024	12	CSTĐCS NH 2021-2022; LĐT NH 2022-2023;	
64	Trần Thị Kiều Duyên	24/12/1987	x	Giáo viên	Trường Mầm non An Phú	V.07.02.26	5	3,34	01/09/2022	6	3,65	01/09/2024	12	CSTĐCS NH 2023-2024; LĐT NH 2022-2023;	
65	Nguyễn Thị Hoài Thi	28/04/1997	x	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Mỹ	V.07.02.26	1	2,10	01/07/2022	2	2,41	01/07/2024	12	CSTĐCS NH 2022-2023; LĐT NH 2023-2024;	
66	Cao Thị Hồng	10/09/1985	x	Hiệu trưởng	Trường Mầm non Hòa Phú	V.07.02.26	5	3,34	01/10/2022	6	3,65	01/10/2024	12	CSTĐCS NH 2022-2023; LĐT NH 2021-2022;	
67	Lâm Thị Bích Hồng	15/04/1988	x	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Hòa Phú	V.07.02.25	5	3,66	01/09/2022	6	3,99	01/09/2024	12	CSTĐCS NH 2020-2021; CSTĐCS NH 2022-2023;	
68	Hồ Thị Lan Phương	23/05/1984	x	Giáo viên	Trường Mầm non Hòa Phú	V.07.02.26	4	3,03 ₅	01/09/2022	5	3,34	01/09/2024	12	CSTĐCS NH 2021-2022; LĐT NH 2022-2023;	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã ngạch hoặc mã CDNN	Bậc, hệ số lương hiện hưởng			Bậc, hệ số lương đề nghị			Số tháng NL/TH	Thành tích
							Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau	Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
69	Nguyễn Thị Hồng Trinh	13/05/1989	x	Giáo viên	Trường Mầm non Hoàng Minh Đạo	V.07.02.25	4	3,33	01/09/2022	5	3,66	01/09/2024	12	CSTDCS NH 2021-2022; CSTDCS NH 2022-2023;
70	Nguyễn Thị Trúc Giang	25/03/1992	x	Giáo viên	Trường Mầm non Hoàng Minh Đạo	V.07.02.26	3	2,72	01/10/2022	4	3,03	01/10/2024	12	CSTDCS NH 2021-2022; CSTDCS NH 2022-2023;
71	Lâm Thị Ngọc Hiếu	28/04/1984	x	Giáo viên	Trường Mầm non Nhuyễn Đức	V.07.02.26	5	3,34	01/09/2022	6	3,65	01/09/2024	12	CSTDCS NH 2021-2022; CSTDCS NH 2022-2023;
72	Đặng Hoàng Thiên Lý	28/11/1993	x	Giáo viên	Trường Mầm non Nhuyễn Đức	V.07.02.26	3	2,72	01/10/2022	4	3,03	01/10/2024	12	CSTDCS NH 2021-2022; CSTDCS NH 2022-2023;
73	Ngô Thị Yên Nhi	01/05/1983	x	Giáo viên	Trường Mầm non Nhuyễn Đức	V.07.02.26	5	3,34	01/09/2022	6	3,65	01/09/2024	12	CSTDCS NH 2021-2022; CSTDCS NH 2022-2023;
74	Nguyễn Thị Thu Hà	29/06/1985	x	Giáo viên	Trường Mầm non Phạm Văn Cội 1	V.07.02.26	5	3,34	01/09/2022	6	3,65	01/09/2024	12	CSTDCS NH 2023-2024; LBTT NH 2021-2022;
75	Lê Minh Tho	19/11/1988	x	Giáo viên	Trường Mầm non Phạm Văn Cội 1	V.07.02.26	5	3,34	01/03/2022	6	3,65	01/03/2024	12	CSTDCS NH 2023-2024; LBTT NH 2022-2023;
76	Nguyễn Thị Vân	19/12/1981	x	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Phạm Văn Cội 1	V.07.02.25	8	4,65	01/08/2022	9	4,98	01/08/2024	12	CSTDCS NH 2023-2024; LBTT NH 2022-2023;
77	Đỗ Thị Thu Thủy	13/10/1987	x	Giáo viên	Trường Mầm non Phạm Văn Cội 2	V.07.02.26	5	3,34	01/09/2022	6	3,65	01/09/2024	12	CSTDCS NH 2021-2022; LBTT NH 2021-2022;
78	Vương Thị Mỹ Dung	24/03/1989	x	Nhân viên văn thư	Trường Mầm non Phạm Văn Cội 2	02.008	1	1,86	01/09/2023	2	2,06	01/09/2024	12	CSTDCS NH 2021-2022; LBTT NH 2022-2023;
79	Nguyễn Thị Thu Cúc	07/11/1989	x	Giáo viên	Trường Mầm non Phạm Văn Cội 2	V.07.02.26	3	2,72	01/10/2022	4	3,03	01/10/2024	12	CSTDCS NH 2019-2020; LBTT NH 2021-2022;
80	Nguyễn Ngọc Giàu	11/04/1985	x	Giáo viên	Trường Mầm non Phú Hòa Đông	V.07.02.26	5	3,34	01/09/2022	6	3,65	01/09/2024	12	CSTDCS NH 2022-2023; LBTT NH 2023-2024;
81	Đặng Thị Hồng Phần	27/07/1984	x	Giáo viên	Trường Mầm non Phú Hòa Đông	V.07.02.26	4	3,03	01/09/2022	5	3,34	01/09/2024	12	CSTDCS NH 2022-2023; LBTT NH 2023-2024;
82	Đỗ Thị Mai Phương	14/09/1995	x	Giáo viên	Trường Mầm non Phú Hòa Đông	V.07.02.26	2	2,41	01/04/2022	3	2,72	01/04/2024	12	CSTDCS NH 2023-2024; LBTT NH 2022-2023;
83	Trần Sư Liên Thùy	13/05/1987	x	Giáo viên	Trường Mầm non Phú Hòa Đông	V.07.02.26	4	3,03	01/09/2022	5	3,34	01/09/2024	12	CSTDCS NH 2023-2024; LBTT NH 2022-2023;
84	Phan Thị Nữ	17/03/1993	x	Giáo viên	Trường Mầm non Phú Hòa Đông	V.07.02.26	2	2,41	01/05/2022	3	2,72	01/05/2024	12	CSTDCS NH 2023-2024; LBTT NH 2022-2023;
85	Lư Nguyễn An Khương	01/02/1994	x	Giáo viên	Trường Mầm non Phú Hòa Đông	V.07.02.26	1	2,10	01/07/2022	2	2,41	01/07/2024	12	CSTDCS NH 2023-2024; LBTT NH 2022-2023;
86	Trần Anh Nguyệt	20/01/1993	x	Giáo viên	Trường Mầm non Phước Hiệp	V.07.02.26	2	2,41	01/01/2022	3	2,72	01/01/2024	12	CSTDCS NH 2022-2023; LBTT NH 2022-2024;
87	Phạm Thị Anh Đào	20/02/1983	x	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Phước Hiệp	V.07.02.26	7	3,96	01/11/2022	8	4,27	01/11/2024	12	CSTDCS NH 2023-2024; LBTT NH 2022-2023;

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã ngành hoặc mã CDNN	Bậc, hệ số lương hiện hưởng				Bậc, hệ số lương đề nghị			Số tháng NLTH	Thành tích
							Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau	Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau	Số tháng NLTH		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
88	Nguyễn Thị Phương Thảo	10/09/1996	x	Giáo viên	Trường Mầm non Phước Thạnh	V.07.02.26	2	2,41	01/09/2022	3	2,72	01/09/2024	12	LĐTT NH 2022-2023; CSTĐCS NH 2023-2024;	
89	Phạm Hồng Tiệp Mỹ	03/02/1997	x	Giáo viên	Trường Mầm non Phước Thạnh	V.07.02.26	1	2,10	01/07/2022	2	2,41	01/07/2024	12	LĐTT NH 2022-2023; CSTĐCS NH 2023-2024;	
90	Nguyễn Hồng Hạnh	12/08/1993	x	Giáo viên	Trường Mầm non Phước Vĩnh An	V.07.02.26	3	2,72	01/10/2022	4	3,03	01/10/2024	12	CSTĐCS NH 2021-2022; CSTĐCS NH 2022-2023;	
91	Vũ Thị Kim Phụng	29/10/1988	x	Giáo viên	Trường Mầm non Phước Vĩnh An	V.07.02.25	4	3,33	01/09/2022	5	3,66	01/09/2024	12	CSTĐCS NH 2023-2024; LĐTT NH 2022-2023;	
92	Trần Thị Ngân	02/08/1994	x	Giáo viên	Trường Mầm non Phước Vĩnh An	V.07.02.26	1	2,10	01/11/2022	2	2,41	01/11/2024	12	CSTĐCS NH 2023-2024; LĐTT NH 2022-2023;	
93	Lương Chi Phụng	29/01/1988	x	Giáo viên	Trường Mầm non Tân An Hội 1	V.07.02.26	5	3,66	01/09/2022	6	3,99	01/09/2024	12	CSTĐCS NH 2019-2020; LĐTT NH 2023-2024;	
94	Vũ Thị Bích Phượng	10/02/1988	x	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Tân An Hội 2	V.07.02.25	5	3,66	01/09/2022	6	3,99	01/09/2024	12	CSTĐCS NH 2022-2023; LĐTT NH 2021-2022;	
95	Nguyễn Thị Ngọc Bích	04/02/1982	x	Giáo viên	Trường Mầm non Tân An Hội 2	V.07.02.26	5	3,34	01/03/2022	6	3,65	01/03/2024	12	CSTĐCS NH 2022-2023; LĐTT NH 2023-2024;	
96	Trần Thị Trang	03/04/1979	x	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Tân Phú Trung 1	V.07.02.25	8	4,65	01/02/2022	9	4,98	01/02/2024	12	CSTĐCS NH 2021-2022; LĐTT NH 2022-2023;	
97	Trần Thị Vẹn	02/07/1979	x	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Phú Trung 2	V.07.02.26	9	4,58	01/04/2022	10	4,89	01/04/2024	12	CSTĐCS NH 2021-2022; CSTĐCS NH 2022-2023;	
98	Ouly Thị Diễm Khanh	07/08/1980	x	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Tân Phú Trung 2	V.07.02.26	6	3,65	01/03/2022	7	3,96	01/03/2024	12	CSTĐCS NH 2019-2020; CSTĐCS NH 2020-2021;	
99	Trần Thị Kim Phụng	20/03/1987	x	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thạnh Đông	V.07.02.26	5	3,34	01/03/2022	6	3,65	01/03/2024	12	CSTĐCS NH 2021-2022; LĐTT NH 2022-2023;	
100	Trần Thị Thùy Dương	24/06/1988	x	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thạnh Đông	V.07.02.25	5	3,66	01/09/2022	6	3,99	01/09/2024	12	CSTĐCS NH 2021-2022; LĐTT NH 2022-2023;	
101	Vũ Thị Vân	03/01/1982	x	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thạnh Đông	V.07.02.26	6	3,65	01/09/2022	7	3,96	01/09/2024	12	CSTĐCS NH 2022-2023; LĐTT NH 2021-2022;	
102	Nguyễn Thanh Thoa	13/08/1989	x	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Tân Thông Hội 1	V.07.02.25	5	3,66	01/09/2022	6	3,99	01/09/2024	12	CSTĐCS NH 2021-2022; LĐTT NH 2022-2023;	
103	Ngô Thị Thủy	02/06/1987	x	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 1	V.07.02.26	5	3,34	01/10/2022	6	3,65	01/10/2024	12	CSTĐCS NH 2020-2021; LĐTT NH 2022-2023;	
104	Nguyễn Minh Thảo	04/07/1993	x	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 1	V.07.02.26	3	2,72	01/10/2022	4	3,03	01/10/2024	12	CSTĐCS NH 2022-2023; LĐTT NH 2021-2022;	
105	Di Thị Ngọc Tuyết	02/12/1990	x	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 1	V.07.02.26	4	3,03	01/09/2022	5	3,34	01/09/2024	12	CSTĐCS NH 2023-2024; LĐTT NH 2022-2023;	
106	Nguyễn Thị Quyền	04/03/1993	x	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 1	V.07.02.26	3	2,72	01/10/2022	4	3,03	01/10/2024	12	CSTĐCS NH 2023-2024; LĐTT NH 2022-2023;	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã ngạch hoặc mã CDN	Bậc, hệ số lương hiện hưởng			Bậc, hệ số lương đề nghị			Số tháng NLTH	Thành tích
							Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau	Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
107	Nguyễn Thái Ngân	08/04/1986	x	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 2	V.07.02.26	6	3,65	01/03/2022	7	3,96	01/03/2024	12	CSTDCS NH 2020-2021; LĐTT NH 2023-2024;
108	Trần Thị Ngọc Diệp	20/11/1981	x	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 2	V.07.02.26	6	3,65	01/03/2022	7	3,96	01/03/2024	12	CSTDCS NH 2021-2022; LĐTT NH 2023-2024;
109	Nguyễn Ái Trầm	20/07/1993	x	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 2	V.07.02.26	2	2,41	01/05/2022	3	2,72	01/05/2024	12	CSTDCS NH 2021-2022; LĐTT NH 2023-2024;
110	Trang Thị Tú Anh	04/12/1984	x	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 2	V.07.02.26	5	3,34	01/09/2022	6	3,65	01/09/2024	12	CSTDCS NH 2021-2022; LĐTT NH 2023-2024;
111	Nguyễn Thị Hoa	20/06/1986	x	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 3	V.07.02.26	4	3,03	01/10/2022	5	3,34	01/10/2024	12	CSTDCS NH 2022-2023; CSTDCS NH 2023-2024;
112	Nguyễn Thị Tú Trinh	20/08/1997	x	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 3	V.07.02.26	1	2,10	01/08/2022	2	2,41	01/08/2024	12	LĐTT NH 2022-2023; CSTDCS NH 2023-2024;
113	Trương Ngọc Bích Trâm	24/02/1985	x	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 4	V.07.02.26	4	3,03	01/09/2022	5	3,34	01/09/2024	12	CSTDCS NH 2023-2024; LĐTT NH 2022-2023;
114	Hồ Ngọc Minh	29/10/1978	x	Giáo viên	Trường Mầm non Thái Mỹ	V.07.02.26	4	3,03	01/08/2022	5	3,34	01/08/2024	12	CSTDCS NH 2021-2022; LĐTT NH 2023-2024;
115	Nguyễn Thị Thủy Tiên	04/12/1997	x	Giáo viên	Trường Mầm non Thái Mỹ	V.07.02.26	1	2,10	01/07/2022	2	2,41	01/07/2024	12	CSTDCS NH 2022-2023; LĐTT NH 2023-2024;
116	Nguyễn Thị Hồng Vân	20/04/1988	x	Giáo viên	Trường Mầm non Thái Mỹ	V.07.02.26	3	2,72	01/07/2022	4	3,03	01/07/2024	12	CSTDCS NH 2023-2024; LĐTT NH 2022-2023;
117	Trần Thị Ngân	10/06/1980	x	Giáo viên	Trường Mầm non Thái Mỹ	V.07.02.26	8	4,27	01/05/2022	9	4,58	01/05/2024	12	CSTDCS NH 2020-2021; LĐTT NH 2021-2022;
118	Phạm Ngọc Hương Trà	05/11/1984	x	Giáo viên	Trường Mầm non Thị trấn Củ Chi 1	V.07.02.26	7	3,96	01/03/2022	8	4,27	01/03/2024	12	CSTDCS NH 2023-2024; LĐTT NH 2022-2023;
119	Huyền Hà Anh	28/04/1998	x	Giáo viên	Trường Mầm non Thị trấn Củ Chi 1	V.07.02.26	1	2,10	01/07/2022	2	2,41	01/07/2024	12	CSTDCS NH 2023-2024; LĐTT NH 2022-2023;
120	Huyền Thị Sơn Trà	10/06/1985	x	Giáo viên	Trường Mầm non Thị trấn Củ Chi 2	V.07.02.26	6	3,65	01/09/2022	7	3,96	01/09/2024	12	CSTDCS NH 2022-2023; LĐTT NH 2021-2022;
121	Đặng Thị Thủy Trang	01/10/1984	x	Giáo viên	Trường Mầm non Thị trấn Củ Chi 2	V.07.02.26	2	2,41	01/05/2022	3	2,72	01/05/2024	12	CSTDCS NH 2022-2023; LĐTT NH 2021-2022;
122	Ngô Huỳnh Kim Ngân	18/01/1990	x	Giáo viên	Trường Mầm non Thị trấn Củ Chi 2	V.07.02.26	4	3,03	01/09/2022	5	3,34	01/09/2024	12	CSTDCS NH 2021-2022; LĐTT NH 2022-2023;
123	Võ Thị Thu Hằng	23/10/1990	x	Giáo viên	Trường Mầm non Thị trấn Củ Chi 2	V.07.02.26	2	2,41	01/05/2022	3	2,72	01/05/2024	12	CSTDCS NH 2023-2024; LĐTT NH 2022-2023;
124	Nguyễn Thị Thủy An	17/02/1988	x	Giáo viên	Trường Mầm non Thị trấn Củ Chi 2	V.07.02.25	4	3,33	01/09/2022	5	3,66	01/09/2024	12	CSTDCS NH 2023-2024; LĐTT NH 2022-2023;
125	Nguyễn Thanh Nhân	12/12/1981	x	Giáo viên	Trường Mầm non Thị trấn Củ Chi 2	V.07.02.26	8	4,27 ₈	01/03/2022	9	4,58	01/03/2024	12	CSTDCS NH 2023-2024; LĐTT NH 2022-2023;

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã ngạch hoặc mã CDNN	Bậc, hệ số lương hiện hưởng			Bậc, hệ số lương đề nghị			Số tháng NLTH	Thành tích
							Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau	Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
126	Phạm Thị Thanh Tiên	11/01/1979	x	Giáo viên	Trường Mầm non Thị trấn Cù Chi 3	V.07.02.26	7	3,96	01/03/2022	8	4,27	01/03/2024	12	CSTĐCS NH 2021-2022; CSTĐCS NH 2022-2023;
127	Lê Thị Thúy Hằng	19/03/1982	x	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Trung An 1	V.07.02.25	5	3,66	01/12/2022	6	3,99	01/12/2024	12	LĐTT NH 2021-2022; CSTĐCS NH 2022-2023;
128	Mai Ngọc Ánh	08/09/1978	x	Giáo viên	Trường Mầm non Trung An 2	V.07.02.26	6	3,65	01/09/2022	7	3,96	01/09/2024	12	CSTĐCS NH 2021-2022; LĐTT NH 2022-2023;
129	Phan Thị Thanh Thủy	23/05/1979	x	Giáo viên	Trường Mầm non Trung An 2	V.07.02.25	8	4,65	01/06/2022	9	4,98	01/06/2024	12	CSTĐCS NH 2022-2023; LĐTT NH 2023-2024;
130	Lâm Thị Cẩm Lai	01/01/1994	x	Giáo viên	Trường Mầm non Trung An 2	V.07.02.26	2	2,41	01/05/2022	3	2,72	01/05/2024	12	CSTĐCS NH 2021-2022; LĐTT NH 2022-2023;
131	Nguyễn Mai Tiên	23/02/1992	x	Giáo viên	Trường Mầm non Trung Lập Hạ	V.07.02.26	3	2,72	01/10/2022	4	3,03	01/10/2024	12	CSTĐCS NH 2021-2022; LĐTT NH 2022-2023;
132	Võ Tường Duy	15/08/1982	x	Giáo viên	Trường Mầm non Trung Lập Hạ	V.07.02.25	8	4,65	01/05/2022	9	4,98	01/05/2024	12	CSTĐCS NH 2020-2021; LĐTT NH 2022-2023;
133	Nguyễn Huỳnh Cẩm Duyên	10/01/1992	x	Giáo viên	Trường Mầm non Trung Lập Hạ	V.07.02.26	2	2,41	01/09/2022	3	2,72	01/09/2024	12	CSTĐCS NH 2023-2024; LĐTT NH 2022-2023;
134	Phan Thị Mộng Thường	23/09/1979	x	Giáo viên	Trường Mầm non Trung Lập Thượng	V.07.02.26	9	4,58	01/12/2022	10	4,89	01/12/2024	12	CSTĐCS NH 2021-2022; LĐTT NH 2022-2023;
135	Võ Thị Cẩm Tiên	22/02/1994	x	Giáo viên	Trường Mầm non Trung Lập Thượng	V.07.02.26	2	2,41	01/05/2022	3	2,72	01/05/2024	12	CSTĐCS NH 2020-2021; LĐTT NH 2022-2023;
136	Phan Thị Hồng Đào	10/08/1993	x	Giáo viên	Trường Mầm non Trung Lập Thượng	V.07.02.26	2	2,41	01/05/2022	3	2,72	01/05/2024	12	CSTĐCS NH 2019-2020; LĐTT NH 2022-2023;
137	Phạm Thị Kim Anh	12/07/1992	x	Giáo viên	Trường Mầm non Trung Lập Thượng	V.07.02.26	2	2,41	01/05/2022	3	2,72	01/05/2024	12	CSTĐCS NH 2021-2022; LĐTT NH 2023-2024;
138	Phạm Thị Trúc Phương	26/11/1994	x	Giáo viên	Trường Mầm non Trung Lập Thượng	V.07.02.26	2	2,41	01/05/2022	3	2,72	01/05/2024	12	CSTĐCS NH 2021-2022; LĐTT NH 2023-2024;
139	Nguyễn Thị Kiều Diễm	11/07/1993	x	Giáo viên	Trường Mầm non Trung Lập Thượng	V.07.02.26	3	2,72	01/10/2022	4	3,03	01/10/2024	12	CSTĐCS NH 2023-2024; LĐTT NH 2022-2023;
140	Trần Thị Hồng Thu	07/05/1976	x	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thạnh Tây	V.07.02.26	9	4,58	01/09/2022	10	4,89	01/09/2024	12	CSTĐCS NH 2021-2022; CSTĐCS NH 2022-2023;

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã ngành hoặc mã CDNN	Bậc, hệ số lương hiện hưởng			Bậc, hệ số lương đề nghị			Số tháng NLTH	Thành tích
							Bậc	Hệ số	Mức thời gian nâng lương lần sau	Bậc	Hệ số	Mức thời gian nâng lương lần sau		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
141	Nguyễn Lê Thu Chương	07/12/1983	x	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Tây Bắc	V.07.02.26	6	3,65	01/09/2022	7	3,96	01/09/2024	12	CSTDCS NH 2019-2020; LBTT NH 2021-2022;
142	Lê Thị Thu Thủy	02/09/1993	x	Giáo viên	Trường Mầm non Tây Bắc	V.07.02.26	3	2,72	01/12/2022	4	3,03	01/12/2024	12	CSTDCS NH 2023-2024; LBTT NH 2022-2023;
143	Võ Thị Hồng Hạnh	01/06/1970	x	Giáo viên	Trường Tiểu học An Nhơn Đông	V.07.03.28	5	5,36	01/3/2022	6	5,70	01/03/2024	12	CSTDCS NH 2020-2021; LBTT NH 2022-2023;
144	Nguyễn Văn Cường	10/08/1969		Giáo viên	Trường Tiểu học An Nhơn Đông	V.07.03.28	4	5,02	01/10/2022	5	5,36	01/10/2024	12	CSTDCS NH 2023-2024; LBTT NH 2023-2024;
145	Nguyễn Thị La	10/02/1969	x	Giáo viên	Trường Tiểu học An Nhơn Đông	V.07.03.28	3	4,68	01/03/2022	4	5,02	01/03/2024	12	CSTDCS NH 2023-2024; LBTT NH 2023-2024;
146	Lý Hữu Thế	30/04/1995		Giáo viên	Trường Tiểu học An Nhơn Tây	V.07.03.09	2	2,06	01/4/2023	3	2,26	01/04/2024	12	CSTDCS NH 2023-2024; LBTT NH 2023-2024;
147	Cao Thủy Triều	20/6/1975	x	Hiệu trưởng	Trường Tiểu học An Phú 1	V.07.03.28	4	5,02	01/3/2022	5	5,36	01/03/2024	12	CSTDCS NH 2020-2021; CSTDCS NH 2022-2023;
148	Nguyễn Ngọc Tuyết	08/05/1996	x	Nhân viên văn thư	Trường Tiểu học An Phú 2	02.008	3	2,26	01/07/2023	4	2,46	01/07/2024	12	CSTDCS NH 2020-2021; LBTT NH 2022-2023;
149	Nguyễn Tú Trinh	07/8/1991	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Mỹ	V.07.03.29	4	3,33	01/9/2022	5	3,66	01/09/2024	12	CSTDCS NH 2023-2024; LBTT NH 2023-2024;
150	Nguyễn Thị Kiều Ngân	20/04/1982	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Mỹ	V.07.03.07	3	3,00	01/10/2022	4	3,33	01/10/2024	12	CSTDCS NH 2022-2023; LBTT NH 2022-2023;
151	Trần Lê Hằng	21/09/1969	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Mỹ 2	V.07.03.28	5	5,36	01/02/2022	6	5,70	01/02/2024	12	CSTDCS NH 2022-2023; LBTT NH 2021-2022;
152	Trần Ngọc Diệp	11/09/1978	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Mỹ 2	V.07.03.28	3	4,68	01/10/2022	4	5,02	01/10/2024	12	CSTDCS NH 2019-2020; LBTT NH 2022-2023;
153	Tăng Thị Mỹ Hạnh	03/03/1971	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Mỹ 2	V.07.03.08	6	3,65	01/9/2022	7	3,96	01/09/2024	12	CSTDCS NH 2021-2022; LBTT NH 2022-2023;
154	Nguyễn Thị Kim Oanh	27/11/1989	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Mỹ 2	V.07.03.29	4	3,33	01/09/2022	5	3,66	01/09/2024	12	CSTDCS NH 2021-2022; LBTT NH 2022-2023;
155	Đào Thị Kim Loan	22/08/1977	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Hòa Phú	V.07.03.29	5	3,66	01/09/2022	6	3,99	01/09/2024	12	CSTDCS NH 2022-2023; LBTT NH 2022-2023;
156	Nguyễn Tấn Đạt	19/08/1989		Giáo viên	Trường Tiểu học Hòa Phú	V.07.03.08	4	3,03	01/09/2022	5	3,34	01/09/2024	12	CSTDCS NH 2023-2024; LBTT NH 2023-2024;
157	Nguyễn Thị Thanh Hòa	30/04/1979	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Huỳnh Văn Cọ	V.07.03.28	3	4,68	01/06/2022	4	5,02	01/06/2024	12	CSTDCS NH 2023-2024; LBTT NH 2023-2024;
158	Cao Mạnh Quyền	13/06/1991		Giáo viên	Trường Tiểu học Huỳnh Văn Cọ	V.07.03.29	4	3,33	01/09/2022	5	3,66	01/09/2024	12	CSTDCS NH 2023-2024; LBTT NH 2023-2024;
159	Trần Châu Bích Trâm	15/05/1992	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Huỳnh Văn Cọ	V.07.03.07	3	3,00	01/10/2022	4	3,33	01/10/2024	12	CSTDCS NH 2023-2024; LBTT NH 2023-2024;

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã ngạch hoặc mã CDNN	Bậc, hệ số lương hiện hưởng			Bậc, hệ số lương đề nghị			Số tháng NLTH	Thành tích
							Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau	Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
160	Nguyễn Thị Cẩm Liên	25/03/1991	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Thị Pha	V.07.03.29	4	3,33	01/09/2022	5	3,66	01/09/2024	12	CSTĐCS NH 2023-2024; LĐTT NH 2023-2024;
161	Trần Thanh Tuyết	19/9/1987	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Văn Thế	V.07.03.29	5	3,66	01/09/2022	6	3,99	01/09/2024	12	CSTĐCS NH 2022-2023; LĐTT NH 2022-2023
162	Tống Thị Lệ Giang	12/10/1992	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Văn Thế	V.07.03.29	3	3,00	01/10/2022	4	3,33	01/10/2024	12	CSTĐCS NH 2022-2023; LĐTT NH 2022-2023
163	Hồ Ngọc Thụy Yên	22/07/1982	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Văn Thế	V.07.03.29	3	3,00	01/10/2022	4	3,33	01/10/2024	12	CSTĐCS NH 2023-2024; LĐTT NH 2023-2024;
164	Lâm Thị Thanh Tú	19/02/1992	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Lăng	V.07.03.29	4	3,33	01/9/2022	5	3,66	01/09/2024	12	CSTĐCS NH 2021-2022; LĐTT NH 2022-2023;
165	Lê Thị Nguyệt	01/3/1986	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Lăng	V.07.03.29	1	2,34	01/12/2022	2	2,67	01/12/2024	12	CSTĐCS NH 2021-2022; LĐTT NH 2022-2023;
166	Nguyễn Thị Xót	08/10/1981	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Lăng	V.07.03.28	2	4,34	01/09/2022	3	4,68	01/09/2024	12	CSTĐCS NH 2023-2024; LĐTT NH 2023-2024;
167	Lê Anh Tú	20/04/1992	x	Nhân viên văn thư	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Lăng	02.008	2	2,06	01/01/2023	3	2,26	01/01/2024	12	CSTĐCS NH 2023-2024; LĐTT NH 2023-2024;
168	Phan Thị Mỹ	25/05/1974	x	Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Ranh	V.07.03.28	5	5,36	01/08/2022	6	5,70	01/08/2024	12	CSTĐCS NH 2019-2020; LĐTT NH 2022-2023;
169	Phạm Thị Yên Phương	16/04/1977	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Ranh	V.07.03.29	5	3,66	01/04/2022	6	3,99	01/04/2024	12	CSTĐCS NH 2022-2023; LĐTT NH 2021-2022;
170	Huỳnh Thị Hồng Thắm	09/11/1993	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Lịch	V.07.03.29	2	2,67	01/05/2022	3	3,00	01/05/2024	12	CSTĐCS NH 2023-2024; LĐTT NH 2023-2024;
171	Trương Văn Minh	20/10/1989		Giáo viên	Trường Tiểu học Nhuận Đức	V.07.03.29	4	3,33	01/10/2022	5	3,66	01/10/2024	12	CSTĐCS NH 2019-2020 (11/9/2020); LĐTT NH 2022-2023;
172	Nguyễn Thị Kim Nhung	30/05/1993	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Phạm Văn Cội	V.07.03.29	3	3,00	01/10/2022	4	3,33	01/10/2024	12	CSTĐCS NH 2019-2020; 2022-2023; LĐTT NH 2019-2020;
173	Nguyễn Thái Hiệp	13/10/1978	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Phạm Văn Cội	V.07.03.29	8	4,65	01/03/2022	9	4,98	01/03/2024	12	CSTĐCS NH 2023-2024; LĐTT NH 2023-2024;
174	Lý Thị Ngọc Nhung	07/08/1994	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Phạm Văn Cội	V.07.03.08	3	2,72	01/10/2022	4	3,03	01/10/2024	12	CSTĐCS NH 2023-2024; LĐTT NH 2023-2024;
175	Lữ Tuyết Huệ	01/06/1996	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Phạm Văn Cội	V.07.03.29	1	2,34	01/08/2022	2	2,67	01/08/2024	12	CSTĐCS NH 2023-2024; LĐTT NH 2023-2024;
176	Trần Văn Toàn	24/11/1974	x	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Phan Văn Khai	V.07.03.28	4	5,02	01/01/2022	5	5,36	01/01/2024	12	CSTĐCS NH 2020-2021; CSTĐCS NH 2021-2022 CSTĐCS NH 2022-2023;
177	Trần Thị Kim Trinh	02/5/1973	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Phan Văn Khai	V.07.03.28	5	5,36	01/03/2022	6	5,70	01/03/2024	12	CSTĐCS NH 2019-2020 (20/9/2020); LĐTT NH 2022-2023;

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã ngạch hoặc mã CDN	Bậc, hệ số lương hiện hưởng			Bậc, hệ số lương đề nghị			Số tháng NLTH	Thành tích
							Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau	Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
178	Lâm Thị Ngọc Giang	27/03/1991	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Phú Hòa Đông	V.07.03.29	3	3,00	01/10/2022	4	3,33	01/10/2024	12	CSTDCS NH 2020-2021; LBTT NH: 2021-2022
179	Lưu Thị Thảo Hằng	28/07/1991	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Phú Hòa Đông	V.07.03.29	4	3,33	01/09/2022	5	3,66	01/09/2024	12	CSTDCS NH 2020-2021; CSTDCS NH 2021-2022;
180	Lâm Thị Hoài Nghiã	07/12/1978	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Phú Hòa Đông	V.07.03.29	4	3,33	01/03/2022	5	3,66	01/03/2024	12	CSTDCS NH 2022-2023; LBTT NH 2022-2023;
181	Nguyễn Thị Bảo Châu	26/11/1978	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Phú Hòa Đông	V.07.03.28	4	5,02	01/10/2022	5	5,36	01/10/2024	12	CSTDCS NH 2023-2024; LBTT NH 2023-2024;
182	Trần Thị Hằng Trâm	30/03/1983	x	Nhân viên kế toán	Trường Tiểu học Phú Hòa Đông	06.031	5	3,66	01/12/2022	6	3,99	01/12/2024	12	CSTDCS NH 2023-2024; LBTT NH 2023-2024;
183	Phan Bích Trâm	04/12/1996	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Phú Hòa Đông 2	V.07.03.29	1	2,34	01/04/2022	2	2,67	01/04/2024	12	CSTDCS NH 2020-2021; LBTT NH 2022-2023;
184	Phan Thanh Tâm	16/01/1991	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Phú Mỹ Hưng	V.07.03.07	3	3,00	01/10/2022	4	3,33	01/10/2024	12	CSTDCS NH 2022-2023; CSTDCS NH 2021-2022;
185	Liêu Thị Thanh Thủy	10/07/1987	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Phước Hiệp	V.07.03.29	4	3,33	01/09/2022	5	3,66	01/09/2024	12	CSTDCS NH 2019-2020 (11/9/2020); LBTT NH 2022-2023;
186	Nguyễn Phan Thị Hồng Huyền	14/10/1997	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Phước Hiệp	V.07.03.29	1	2,34	01/12/2022	2	2,67	01/12/2024	12	CSTDCS NH 2021-2022; LBTT NH 2021-2022;
187	Huỳnh Thị Minh Nguyệt	06/02/1974	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Phước Thạnh	V.07.03.28	4	5,02	01/3/2022	5	5,36	01/03/2024	12	CSTDCS NH 2023-2024; LBTT NH 2023-2024;
188	Trần Thị Thủy Hằng	20/02/1979	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Phước Thạnh	V.07.03.07	3	3,00	01/10/2022	4	3,33	01/10/2024	12	CSTDCS NH 2023-2024; LBTT NH 2023-2024;
189	Võ Thị Ngọc Hạnh	18/08/1993	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Phước Thạnh	V.07.03.29	3	3,00	01/12/2022	4	3,33	01/12/2024	12	CSTDCS NH 2023-2024; LBTT NH 2023-2024;
190	Nguyễn Thị Ngọc Phúc	01/01/1996	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Phú	V.07.03.29	1	2,34	01/12/2022	2	2,67	01/12/2024	12	CSTDCS NH 2023-2024; LBTT NH 2023-2024;
191	Trần Ngọc Sơn	24/06/1998	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Phú	V.07.03.29	1	2,34	01/03/2022	2	2,67	01/03/2024	12	CSTDCS NH 2023-2024; LBTT NH 2023-2024;
192	Phạm Đăng Tùng	03/11/1971		Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Tân Phú Trung	V.07.03.28	5	5,36	01/10/2022	6	5,70	01/10/2024	12	CSTDCS NH 2021-2022; CSTDCS NH 2020-2021;
193	Nguyễn Thị Diễm	16/04/1972	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Phú Trung	V.07.03.28	4	5,02	01/06/2022	5	5,36	01/06/2024	12	CSTDCS NH 2023-2024; LBTT NH 2023-2024;
194	Hứa Diệu Lan	01/11/1976	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Phú Trung	V.07.03.28	3	4,68	01/03/2022	4	5,02	01/03/2024	12	CSTDCS NH 2023-2024; LBTT NH 2023-2024;
195	Trần Thị Cẩm Tiên	20/07/1994	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Phú Trung	V.07.03.29	3	3,00	01/10/2022	4	3,33	01/10/2024	12	CSTDCS NH 2023-2024; LBTT NH 2023-2024;

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã ngạch hoặc mã CDNN	Bậc, hệ số lương hiện hưởng				Bậc, hệ số lương đề nghị				Số tháng NLTH	Thành tích
							Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau	Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau	Bậc	Hệ số		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13			14	15
196	Nguyễn Thị Phương Kiều	22/12/1987	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Thành	V.07.03.29	3	3,00	01/10/2022	4	3,33	01/10/2024	4	3,33	12	CSTĐCS NH 2022-2023; LĐTT NH 2022-2023;
197	Nguyễn Lê Phương Thủy	22/06/1993	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Thành	V.07.03.29	3	3,00	01/10/2022	4	3,33	01/10/2024	4	3,33	12	CSTĐCS NH 2023-2024; LĐTT NH 2023-2024;
198	Trần Thị Ngọc Diễm	24/02/1979	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Thành	V.07.03.29	6	3,99	01/03/2022	7	4,32	01/03/2024	7	4,32	12	CSTĐCS NH 2023-2024; LĐTT NH 2023-2024;
199	Trần Thị Thanh Nguyệt	25/09/1992	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Thành	V.07.03.07	3	3,00	01/10/2022	4	3,33	01/10/2024	4	3,33	12	CSTĐCS NH 2023-2024; LĐTT NH 2023-2024;
200	Trương Mạn Ngọc	28/12/1996	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Thành	V.07.03.09	3	2,26	01/03/2023	4	2,46	01/03/2024	4	2,46	12	CSTĐCS NH 2023-2024; LĐTT NH 2023-2024;
201	Đỗ Thùy Trang	22/10/1989	x	Nhân viên văn thư	Trường Tiểu học Tân Thành	02.008	4	2,46	01/09/2023	5	2,66	01/09/2024	5	2,66	12	CSTĐCS NH 2023-2024; LĐTT NH 2023-2024;
202	Nguyễn Hoàng Thu Mai	11/11/1974	x	Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Tân Thành Đông	V.07.03.28	4	5,02	01/03/2022	5	5,36	01/03/2024	5	5,36	12	CSTĐCS NH 2021-2022; CSTĐCS NH 2022-2023;
203	Nguyễn Thị Nương	19/12/1992	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Thành Đông	V.07.03.29	4	3,33	01/09/2022	5	3,66	01/09/2024	5	3,66	12	CSTĐCS NH 2021-2022; CSTĐCS NH 2022-2023;
204	Văn Bảo Trọng	08/01/1989		Nhân viên văn thư	Trường Tiểu học Tân Thành Đông	02.008	3	2,26	01/09/2023	4	2,46	01/09/2024	4	2,46	12	CSTĐCS NH 2022-2023; LĐTT NH 2022-2023;
205	Nguyễn Thị Thu Thủy	29/09/1980	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Thành Đông	V.07.03.29	3	3,00	01/10/2022	4	3,33	01/10/2024	4	3,33	12	CSTĐCS NH 2021-2022; LĐTT NH 2021-2022;
206	Nguyễn Thị Ngọc Lũy	22/05/1991	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Thành Đông	V.07.03.29	4	3,33	01/09/2022	5	3,66	01/09/2024	5	3,66	12	CSTĐCS NH 2023-2024; LĐTT NH 2023-2024;
207	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	25/8/1979	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Thành Đông ²	V.07.03.08	5	3,34	01/09/2022	6	3,65	01/09/2024	6	3,65	12	CSTĐCS NH 2022-2023; LĐTT NH 2021-2022;
208	Nguyễn Thị Kim Ngân	16/05/1976	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Thành Đông ²	V.07.03.29	8	4,65	01/03/2022	9	4,98	01/03/2024	9	4,98	12	CSTĐCS NH 2022-2023; LĐTT NH 2021-2022;
209	Hồ Thị Xuân Mai	20/05/1991	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Thành Đông ²	V.07.03.29	4	3,33	01/09/2022	5	3,66	01/09/2024	5	3,66	12	CSTĐCS NH 2021-2022; LĐTT NH 2022-2023;
210	Nguyễn Thị Thao	13/03/1984	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Thành Đông ²	V.07.03.07	3	3,00	01/02/2022	4	3,33	01/02/2024	4	3,33	12	CSTĐCS NH 2023-2024; LĐTT NH 2023-2024;
211	Lê Thị Thu Ngân	15/10/1971	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Thành Đông ³	V.07.03.28	4	5,02	01/02/2022	5	5,36	01/02/2024	5	5,36	12	CSTĐCS NH 2023-2024; LĐTT NH 2023-2024;

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã ngành hoặc mã CDNN	Bậc, hệ số lương hiện hưởng			Bậc, hệ số lương đề nghị			Số tháng NLTH	Thành tích
							Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau	Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
212	Phạm Văn Chính	27/03/1969		Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Tân Thạnh Tây	V.07.03.28	5	5,36	01/06/2022	6	5,70	01/06/2024	12	CSTDCS NH 2020-2021; LBTT NH 2022-2023;
213	Nguyễn Thị Thanh Thoán	28/03/1979	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Thạnh Tây	V.07.03.28	3	4,68	01/08/2022	4	5,02	01/08/2024	12	CSTDCS NH 2022-2023; LBTT NH 2022-2023;
214	Tần Kim Khánh	06/03/1992	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Thạnh Tây	V.07.03.07	3	3,00	01/10/2022	4	3,33	01/10/2024	12	CSTDCS NH 2022-2023; CSTDCS NH 2021-2022;
215	Mai Sinh	12/8/1973		Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Tân Thông Hội	V.07.03.28	5	5,36	01/04/2022	6	5,70	01/04/2024	12	CSTDCS NH 2020-2021; CSTDCS NH 2021-2022;
216	Nguyễn Văn Châu	29/10/1970		Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Tân Thông Hội	V.07.03.28	5	5,36	01/10/2022	6	5,70	01/10/2024	12	CSTDCS NH 2023-2024; LBTT NH 2023-2024;
217	Nguyễn Thị Thu Vân	14/11/1974	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Thông Hội	V.07.03.28	4	5,02	01/03/2022	5	5,36	01/03/2024	12	CSTDCS NH 2023-2024; LBTT NH 2023-2024;
218	Nguyễn Thị Thu Trang	24/11/1991	x	Nhân viên y tế	Trường Tiểu học Tân Thông Hội	V.08.03.07	6	2,86	01/03/2023	7	3,06	01/03/2024	12	CSTDCS NH 2022-2023; LBTT NH 2023-2024;
219	Nguyễn Thị Thảo	20/09/1989	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Tiến	V.07.03.29	5	3,66	01/09/2022	6	3,99	01/09/2024	12	Bảng khen của UBND TP 02 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (27/9/2023)
220	Trần Thị Tuyết Mai	05/11/1974	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Thái Mỹ	V.07.03.28	5	5,36	01/08/2022	6	5,70	01/08/2024	12	CSTDCS NH 2022-2023; CSTDCS NH 2021-2022;
221	Nguyễn Thị Kim Thi	16/07/1994	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Thái Mỹ	V.07.03.29	1	2,34	01/01/2022	2	2,67	01/01/2024	12	CSTDCS NH 2020-2021; LBTT NH 2021-2022;
222	Nguyễn Tuấn Lê	10/10/1973		Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Thị Trấn Củ Chi	V.07.03.28	5	5,36	01/03/2022	6	5,70	01/03/2024	12	Bảng khen của UBND TP đạt giải thưởng Vô Trường Toàn (14/11/2022) CSTDCS NH 2019-2020; 2020-2021; 2021-2022; 2022-2023
223	Trần Thị Oanh	26/09/1986	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Thị Trấn Củ Chi	V.07.03.07	3	3,00	01/10/2022	4	3,33	01/10/2024	12	CSTDCS NH 2021-2022; CSTDCS NH 2022-2023;
224	Quách Thị Hồng Trang	28/06/1991	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Thị Trấn Củ Chi	V.07.03.29	4	3,33	01/09/2022	5	3,66	01/09/2024	12	CSTDCS NH 2019-2020; CSTDCS NH 2022-2023;
225	Nguyễn Thị Bích Hạnh	25/08/1984	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Thị Trấn Củ Chi	V.07.03.29	3	3,00	01/10/2022	4	3,33	01/10/2024	12	CSTDCS NH 2023-2024; LBTT NH 2023-2024;
226	Lê Hoàng Trung	10/07/1982	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Thị Trấn Củ Chi	V.07.03.29	4	3,33	01/06/2022	5	3,66	01/06/2024	12	CSTDCS NH 2023-2024; LBTT NH 2023-2024;
227	Nguyễn Thị Ngọc Liễu	19/01/1974	x	Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Thị Trấn Củ Chi 2	V.07.03.28	5	5,36	01/04/2022	6	5,70	01/04/2024	12	Bảng khen của UBND TP đạt thành tích xuất sắc trong 2 năm liên (ngày 19/10/2020 và 21/9/2022) CSTDCS NH 2020-2021; CSTDCS NH 2021-2022;

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã ngạch hoặc mã CDNN	Bậc, hệ số lương hiện hưởng				Bậc, hệ số lương đề nghị				Số tháng NLTH	Thành tích
							Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau	Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau	Bậc	Hệ số		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		
228	Lê Thị Lệ Thu	12/09/1989	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Thị Trấn Cù Chi 2	V.07.03.29	4	3,33	01/09/2022	5	3,66	01/09/2024	12		CSTĐCS NH 2022-2023; LĐTT NH 2021-2022;	
229	Dương Thị Cẩm Vân	25/05/1991	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Thị Trấn Cù Chi 2	V.07.03.07	3	3,00	01/10/2022	4	3,33	01/10/2024	12		CSTĐCS NH 2022-2023; LĐTT NH 2021-2022; 2022-2023;	
230	Nguyễn Thị Hà Phương	10/01/1975	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Trần Văn Châm	V.07.03.28	1	4,00	01/09/2022	2	4,34	01/09/2024	12		CSTĐCS NH 2023-2024; LĐTT NH 2023-2024;	
231	Nguyễn Ngọc Hoài Thương	27/12/1991	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Trần Văn Châm	V.07.03.07	3	3,00	01/10/2022	4	3,33	01/10/2024	12		CSTĐCS NH 2022-2023; LĐTT NH 2021-2022;	
232	Lê Thị Mai	14/11/1970	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Trung An	V.07.03.28	5	5,36	01/02/2022	6	5,70	01/02/2024	12		CSTĐCS NH 2021-2022; LĐTT NH 2022-2023;	
233	Phan Thị Thới Việt	24/05/1975	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Trung An	V.07.03.28	4	5,02	01/07/2022	5	5,36	01/07/2024	12		CSTĐCS NH 2019-2020 (11/9/2020); LĐTT NH 2019-2020; 2020-2021; 2021-2022;	
234	Huỳnh Thị Ngọc Ân	04/02/1988	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Trung An	V.07.03.07	3	3,00	01/02/2022	4	3,33	01/02/2024	12		CSTĐCS NH 2022-2023; LĐTT NH 2021-2022;	
235	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	29/05/1989	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Trung An	V.07.03.29	4	3,33	01/09/2022	5	3,66	01/09/2024	12		CSTĐCS NH 2022-2023; LĐTT NH 2021-2022;	
236	Tổng Thị Thanh Trúc	07/10/1994	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Trung An	V.07.03.29	3	3,00	01/10/2022	4	3,33	01/10/2024	12		CSTĐCS NH 2023-2024; LĐTT NH 2023-2024;	
237	Cao Thị Mỹ Loan	17/09/1975	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Trung Lập Hạ	V.07.03.28	4	5,02	01/01/2022	5	5,36	01/01/2024	12		CSTĐCS NH 2019-2020 (11/9/2020); LĐTT NH 2019-2020;	
238	Hà Thị Thủy Đào	14/12/1978	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Trung Lập Hạ	V.07.03.28	4	5,02	01/11/2022	5	5,36	01/11/2024	12		CSTĐCS NH 2023-2024; LĐTT NH 2023-2024;	
239	Nguyễn Thanh Quang	22/04/1972	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Trung Lập Thượng	V.07.03.28	5	5,36	01/04/2022	6	5,70	01/04/2024	12		CSTĐCS NH 2022-2023; LĐTT NH 2021-2022;	
240	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	17/10/1977	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Trung Lập Thượng	V.07.03.29	8	4,65	01/03/2022	9	4,98	01/03/2024	12		CSTĐCS NH 2023-2024; LĐTT NH 2023-2024;	
241	Phạm Thị Hà Anh	11/12/1990	x	Giáo viên	Trường TH - THCS Tân Trung Thượng	V.07.04.32	3	3	01/09/2022	4	3,33	01/09/2024	12		CSTĐCS NH 2022-2023; LĐTT NH 2021-2022;	
242	Đinh Quốc Thắng	24/11/1991		Giáo viên	Trường THCS An Nhơn Tây	V.07.04.32	3	3	01/10/2022	4	3,33	01/10/2024	12		CSTĐCS NH 2018-2019; LĐTT NH 2022-2023;	
243	Nguyễn Thanh Sang	15/03/1986		Giáo viên	Trường THCS An Nhơn Tây	V.07.04.32	5	3,66	01/09/2022	6	3,99	01/09/2024	12		CSTĐCS NH 2022-2023; LĐTT NH 2021-2022;	
244	Huỳnh Văn Vĩnh	27/02/1979		Hiệu trưởng	Trường THCS An Nhơn Tây	V.07.04.31	3	4,68	01/03/2022	4	5,02	01/03/2024	12		CSTĐCS NH 2023-2024 (stt 1122); LĐTT NH 2022-2023;	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã ngành hoặc mã CDNN	Bậc, hệ số lương hiện hưởng			Bậc, hệ số lương đề nghị			Số tháng NLTH	Thành tích
							Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau	Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
245	Nguyễn Thị Kim Quyên	20/02/1970	x	Giáo viên	Trường THCS An Nhơn Tây	V.07.04.31	5	5,36	01/10/2022	6	5,70	01/10/2024	12	CSTĐCS NH 2023-2024 (stt 1130); LĐTT NH 2022-2023;
246	Võ Thị Tuyết Nga	22/09/1978	x	Giáo viên	Trường THCS An Nhơn Tây	V.07.04.31	3	4,68	01/03/2022	4	5,02	01/03/2024	12	CSTĐCS NH 2023-2024 (stt 1132); LĐTT NH 2022-2023;
247	Nguyễn Thị Bé Ba	02/10/1981	x	Giáo viên	Trường THCS An Nhơn Tây	V.07.04.31	2	4,34	01/04/2022	3	4,68	01/04/2024	12	CSTĐCS NH 2023-2024 (stt 1126); LĐTT NH 2022-2023;
248	Nguyễn Ngọc Chi	10/06/1978	x	Hiệu trưởng	Trường THCS An Phú	V.07.04.31	3	4,68	01/03/2022	4	5,02	01/03/2024	12	CSTĐCS NH 2021-2022; CSTĐCS NH 2022-2023;
249	Hồ Thị Bích Trâm	24/04/1993	x	Giáo viên	Trường THCS An Phú	V.07.04.32	2	2,67	01/04/2022	3	3,00	01/04/2024	12	CSTĐCS NH 2023-2024 (stt 1030); LĐTT NH 2022-2023;
250	Phan Thị Ngọc Bích	05/09/1980	x	Giáo viên	Trường THCS Bình Hòa	V.07.04.31	2	4,34	01/04/2022	3	4,68	01/04/2024	12	CSTĐCS NH 2022-2023; LĐTT NH 2021-2022;
251	Dương Thị Thu Ngân	30/06/1989	x	Giáo viên	Trường THCS Hòa Phú	V.07.04.31	1	4	01/09/2022	2	4,34	01/09/2024	12	CSTĐCS NH 2021-2022; LĐTT NH 2022-2023;
252	Trương Thị Hạnh Châu	08/07/1974	x	Giáo viên	Trường THCS Hòa Phú	V.07.04.31	4	5,02	01/09/2022	5	5,36	01/09/2024	12	CSTĐCS NH 2022-2023; LĐTT NH 2021-2022;
253	Nguyễn Kim Thủy	10/02/1981	x	Giáo viên	Trường THCS Hòa Phú	V.07.04.31	2	4,34	01/04/2022	3	4,68	01/04/2024	12	CSTĐCS NH 2022-2023; LĐTT NH 2021-2022;
254	Đoàn Thị Châu	20/09/1984	x	Giáo viên	Trường THCS Hòa Phú	V.07.04.31	1	4	01/09/2022	2	4,34	01/09/2024	12	CSTĐCS NH 2021-2022; LĐTT NH 2022-2023;
255	Phạm Thanh Dũng	25/04/1978		Giáo viên	Trường THCS Hòa Phú	V.07.04.32	6	3,99	01/04/2022	7	4,32	01/04/2024	12	CSTĐCS NH 2023-2024 (stt 1042); LĐTT NH 2022-2023;
256	Hồ Ngọc Lanh	04/12/1980	x	Giáo viên	Trường THCS Hòa Phú	V.07.04.11	7	4,32	01/04/2022	8	4,65	01/04/2024	12	CSTĐCS NH 2023-2024 (stt 1043); LĐTT NH 2022-2023;
257	Nguyễn Thị Lai	12/05/1978	x	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Văn Xơ	V.07.04.31	4	5,02	01/03/2022	5	5,36	01/03/2024	12	CSTĐCS NH 2019-2020; LĐTT NH 2021-2022;
258	Ngô Thị Mỹ Duyên	02/11/1988	x	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Văn Xơ	V.07.04.12	5	3,34	01/09/2022	6	3,65	01/09/2024	12	CSTĐCS NH 2021-2022; CSTĐCS NH 2022-2023;
259	Nguyễn Thanh Diên	10/02/1972		Hiệu trưởng	Trường THCS Nhuận Đức	V.07.04.31	5	5,36	01/10/2022	6	5,7	01/10/2024	12	CSTĐCS NH 2023-2024 (stt 790); LĐTT NH 2022-2023;
260	Huyền Tân Hùng	09/12/1975		Giáo viên	Trường THCS Nhuận Đức	V.07.04.31	4	5,02	01/03/2022	5	5,36	01/03/2024	12	CSTĐCS NH 2020-2021; LĐTT NH 2021-2022;
261	Nguyễn Thị Nguyễn Thảo	22/05/1977	x	Giáo viên	Trường THCS Nhuận Đức	V.07.04.31	5	5,36	01/03/2022	6	5,7	01/03/2024	12	CSTĐCS NH 2021-2022; CSTĐCS NH 2022-2023;
262	Trần Thị Gái	11/07/1978	x	Giáo viên	Trường THCS Nhuận Đức	V.07.04.31	4	5,02	01/03/2022	5	5,36	01/03/2024	12	CSTĐCS NH 2023-2024 (stt 793); LĐTT NH 2022-2023;
263	Trần Võ Quang Phát	22/11/1992		Giáo viên	Trường THCS Nhuận Đức	V.07.04.32	3	3,00	01/10/2022	4	3,33	01/10/2024	12	CSTĐCS NH 2023-2024 (stt 803); LĐTT NH 2022-2023;

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã ngạch hoặc mã CDN	Bậc, hệ số lương hiện hưởng				Bậc, hệ số lương đề nghị			Số tháng NLTH	Thành tích
							Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau	Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
264	Nguyễn Thị Bích Hà	01/08/1979	x	Phó Hiệu trưởng	Trường THCS Phạm Văn Cội	V.07.04.31	4	5,02	01/03/2022	5	5,36	01/03/2024	12		CSTĐCS NH 2019-2020; LĐT NH 2022-2023;
265	Nguyễn Ngọc Hòa	21/09/1979	x	Giáo viên	Trường THCS Phạm Văn Cội	V.07.04.31	2	4,34	01/04/2022	3	4,68	01/04/2024	12		CSTĐCS NH 2022-2023; LĐT NH 2020-2021;
266	Lê Châu Sang	01/06/1996	x	Giáo viên	Trường THCS Phạm Văn Cội	V.07.04.32	2	2,67	01/12/2022	3	3	01/12/2024	12		CSTĐCS NH 2021-2022; LĐT NH 2022-2023;
267	Nguyễn Thị Dung	10/03/1996	x	Giáo viên	Trường THCS Phạm Văn Cội	V.07.04.32	2	2,67	01/12/2022	3	3	01/12/2024	12		CSTĐCS NH 2022-2023; LĐT NH 2021-2022;
268	Đặng Thị Tuyết Mai	09/07/1987	x	Giáo viên	Trường THCS Phạm Văn Cội	V.07.04.32	5	3,66	01/08/2022	6	3,99	01/08/2024	12		CSTĐCS NH 2023-2024 (stt 844); LĐT NH 2022-2023;
269	Đoàn Thị Ngọc Anh	18/07/1981	x	Giáo viên	Trường THCS Phú Hòa Đông	V.07.04.31	2	4,34	01/04/2022	3	4,68	01/04/2024	12		CSTĐCS NH 2022-2023; LĐT NH 2021-2022;
270	Nguyễn Văn Hiếu	18/09/1973		Giáo viên	Trường THCS Phú Hòa Đông	V.07.04.32	2	2,67	01/12/2022	3	3	01/12/2024	12		CSTĐCS NH 2022-2023; LĐT NH 2021-2022;
271	Huỳnh Thị Kim Ngân	27/02/1994	x	Giáo viên	Trường THCS Phú Hòa Đông	V.07.04.32	2	2,67	01/01/2022	3	3	01/01/2024	12		CSTĐCS NH 2022-2023; LĐT NH 2021-2022;
272	Lê Thị Cẩm Nguyên	31/10/1993	x	Giáo viên	Trường THCS Phú Hòa Đông	V.07.04.32	2	2,67	01/01/2022	3	3	01/01/2024	12		CSTĐCS NH 2020-2021; LĐT NH 2022-2023;
273	Trương Văn Nù	05/06/1971		Phó Hiệu trưởng	Trường THCS Phú Hòa Đông	V.07.04.31	5	5,36	01/09/2022	6	5,7	01/09/2024	12		CSTĐ Thành phố đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ liên tục nhiều năm học (từ NH 2020-2021 đến NH 2022-2023) (05/12/2023); LĐT NH 2022-2023;
274	Trần Nguyễn Cẩm Tú	08/12/1983	x	Giáo viên	Trường THCS Phú Hòa Đông	V.07.04.32	2	2,67	01/12/2022	3	3	01/12/2024	12		CSTĐCS NH 2020-2021; LĐT NH 2022-2023;
275	Trần Thị Thu Trang	28/11/1977	x	Giáo viên	Trường THCS Phú Hòa Đông	V.07.04.31	2	4,34	01/09/2022	3	4,68	01/09/2024	12		CSTĐCS NH 2023-2024 (stt 1060); LĐT NH 2022-2023;
276	Trần Thu Thùy	27/09/1979	x	Giáo viên	Trường THCS Phú Hòa Đông	V.07.04.31	2	4,34	01/04/2022	3	4,68	01/04/2024	12		CSTĐCS NH 2023-2024 (stt 1061); LĐT NH 2022-2023;
277	Phan Hoàng Ân	04/10/1982		Giáo viên	Trường THCS Phú Hòa Đông	V.07.04.32	6	3,99	01/03/2022	7	4,32	01/03/2024	12		CSTĐCS NH 2023-2024 (stt 1063); LĐT NH 2022-2023;
278	Võ Thị Mỹ Vân	30/01/1982	x	Giáo viên	Trường THCS Phú Mỹ Hưng	V.07.04.31	2	4,34	01/04/2022	3	4,68	01/04/2024	12		CSTĐCS NH 2021-2022; CSTĐCS NH 2022-2023;
279	Hồ Thị Nghĩa	12/11/1983	x	Giáo viên	Trường THCS Phú Mỹ Hưng	V.07.04.31	1	4,00	01/01/2022	2	4,34	01/01/2024	12		CSTĐCS NH 2023-2024 (stt 950); LĐT NH 2022-2023;
280	Nguyễn Thanh Bình	24/08/1984		Giáo viên	Trường THCS Phú Mỹ Hưng	V.07.04.31	1	4,00	01/12/2022	2	4,34	01/12/2024	12		CSTĐCS NH 2023-2024 (stt 945); LĐT NH 2022-2023;

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã ngạch hoặc mã CDN	Bậc, hệ số lương hiện hưởng			Bậc, hệ số lương đề nghị			Số tháng NL/TH	Thành tích
							Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau	Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
281	Vũ Hải Ly	20/03/1975	x	Giáo viên	Trường THCS Phước Hiệp	V.07.04.31	5	5,36	01/09/2022	6	5,7	01/09/2024	12	CSTĐCS NH 2023-2024 (stt 975); LĐTT NH 2022-2023;
282	Nguyễn Thị Đức Diễm	11/09/1976	x	Giáo viên	Trường THCS Phước Hiệp	V.07.04.31	4	5,02	01/06/2022	5	5,36	01/06/2024	12	CSTD NH 2023-2024 (stt 979); LĐTT NH 2022-2023; Giấy chứng nhận của Sở GDĐT Thành phố đạt giải 3 Hội thi thiết kế chủ đề dạy tích hợp Stem trong trường THCS NH 2023-2024.
283	Bùi Thanh Tiên	14/03/1979	x	Giáo viên	Trường THCS Phước Hiệp	V.07.04.31	3	4,68	01/03/2022	4	5,02	01/03/2024	12	CSTĐCS NH 2023-2024 (stt 974); LĐTT NH 2022-2023;
284	Đặng Hồng Yên	09/04/1980	x	Giáo viên	Trường THCS Tân An Hội	V.07.04.31	3	4,68	01/03/2022	4	5,02	01/03/2024	12	CSTĐCS NH 2023-2024 (stt 829); LĐTT NH 2022-2023;
285	Lê Thị Phương Đài	02/05/1976	x	Phó Hiệu trưởng	Trường THCS Tân Phú Trung	V.07.04.31	5	5,36	01/09/2022	6	5,7	01/09/2024	12	CSTĐCS NH 2022-2023; CSTĐCS NH 2020-2021; Bảng khen của UBND TP 02 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (13/9/2023)
286	Đặng Nguyễn Kha Nguyễn	25/05/1978		Giáo viên	Trường THCS Tân Phú Trung	V.07.04.31	1	4	01/09/2022	2	4,34	01/09/2024	12	CSTĐCS NH 2018-2019; CSTĐCS NH 2019-2020; CSTĐCS NH 2020-2021;
287	Nguyễn Thị Quỳnh	30/05/1991	x	Giáo viên	Trường THCS Tân Phú Trung	V.07.04.32	3	3	01/08/2022	4	3,33	01/08/2024	12	CSTĐCS NH 2022-2023; LĐTT NH 2020-2021;
288	Nguyễn Thành Chung	20/11/1978		Giáo viên	Trường THCS Tân Phú Trung	V.07.04.31	4	5,02	01/03/2022	5	5,36	01/03/2024	12	CSTĐCS NH 2023-2024 (stt 989); LĐTT NH 2022-2023;
289	Đỗ Thị Hóm	05/05/1983	x	Giáo viên	Trường THCS Tân Phú Trung	V.07.04.32	3	3,00	01/09/2022	4	3,33	01/09/2024	12	CSTĐCS NH 2023-2024 (stt 1008); LĐTT NH 2022-2023;
290	Nguyễn Thị Thủy Tiên	03/06/1985	x	Giáo viên	Trường THCS Tân Phú Trung	V.07.04.32	2	2,67	01/04/2022	3	3,00	01/04/2024	12	CSTĐCS NH 2023-2024 (stt 990); LĐTT NH 2022-2023;
291	Đỗ Minh Tân	07/08/1972		Phó Hiệu trưởng	Trường THCS Tân Thạnh Đông	V.07.04.31	5	5,36	01/09/2022	6	5,7	01/09/2024	12	CSTĐCS NH 2019-2020; CSTĐCS NH 2021-2022;
292	Trần Ngọc Tân Thanh	29/02/1992	x	Giáo viên	Trường THCS Tân Thạnh Đông	V.07.04.32	4	3,33	01/09/2022	5	3,66	01/09/2024	12	CSTĐCS NH 2021-2022; CSTĐCS NH 2022-2023;
293	Bao Ngọc Quốc	04/09/1995	x	Giáo viên	Trường THCS Tân Thạnh Đông	V.07.04.32	2	2,67	01/12/2022	3	3	01/12/2024	12	CSTĐCS NH 2021-2022; LĐTT NH 2022-2023;
294	Lê Thị Thanh Thảo	28/12/1976	x	Giáo viên	Trường THCS Tân Thạnh Đông	V.07.04.31	4	5,02	01/03/2022	5	5,36	01/03/2024	12	CSTĐCS NH 2023-2024 (stt 1073); LĐTT NH 2022-2023;
295	Lâm Thị Mộng Tuyền	24/11/1979	x	Giáo viên	Trường THCS Tân Thạnh Đông	V.07.04.31	3	4,68	01/03/2022	4	5,02	01/03/2024	12	CSTĐCS NH 2023-2024 (stt 1078); LĐTT NH 2022-2023;

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã ngạch hoặc mã CDNN	Bậc, hệ số lương hiện hưởng				Bậc, hệ số lương đề nghị			Số tháng NLTH	Thành tích
							Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau	Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
296	Trần Thị Sà	30/06/1981	x	Giáo viên	Trường THCS Tân Thạnh Đông	V.07.04.31	2	4,34	01/04/2022	3	4,68	01/04/2024	12		CSTĐCS NH 2023-2024 (stt 1081); LĐTT NH 2022-2023;
297	Bùi Thị Diệu	08/08/1985	x	Giáo viên	Trường THCS Tân Thạnh Đông	V.07.04.31	1	4,00	01/09/2022	2	4,34	01/09/2024	12		CSTĐCS NH 2023-2024 (stt 1082); LĐTT NH 2022-2023;
298	Nguyễn Thị Xuân Trâm	22/06/1988	x	Giáo viên	Trường THCS Tân Thạnh Đông	V.07.04.11	3	3,00	01/10/2022	4	3,33	01/10/2024	12		CSTĐCS NH 2023-2024 (stt 1101); LĐTT NH 2022-2023;
299	Lê Võ Anh Hào	26/07/1995		Giáo viên	Trường THCS Tân Thạnh Đông	V.07.04.32	2	2,67	01/12/2022	3	3,00	01/12/2024	12		CSTĐCS NH 2023-2024 (stt 1090); LĐTT NH 2022-2023;
300	Nguyễn Thị Hoàng My	07/09/1993	x	Giáo viên	Trường THCS Tân Thạnh Tây	V.07.04.32	3	3,00	01/10/2022	4	3,33	01/10/2024	12		CSTĐCS NH 2023-2024 (stt 940); LĐTT NH 2022-2023;
301	Nguyễn Như Thuận	16/08/1979	x	Giáo viên	Trường THCS Tân Thạnh Tây	V.07.04.31	3	4,68	01/03/2022	4	5,02	01/03/2024	12		CSTĐCS NH 2023-2024 (stt 939); LĐTT NH 2022-2023;
302	Lê Thị Thanh Thủy	17/02/1975	x	Giáo viên	Trường THCS Tân Thông Hội	V.07.04.31	5	5,36	01/09/2022	6	5,7	01/09/2024	12		CSTĐCS NH 2018-2019; LĐTT NH 2022-2023;
303	Mai Thị Hoa	06/09/1989	x	Giáo viên	Trường THCS Tân Thông Hội	V.07.04.31	1	4	01/12/2022	2	4,34	01/12/2024	12		CSTĐCS NH 2022-2023; LĐTT NH 2021-2022;
304	Lê Thị Hoàng Thê	08/03/1988	x	Giáo viên	Trường THCS Tân Thông Hội	V.07.04.32	2	2,67	01/07/2022	3	3	01/07/2024	12		CSTĐCS NH 2020-2021; LĐTT NH 2022-2023;
305	Nguyễn Thị Huyền	20/12/1995	x	Giáo viên	Trường THCS Tân Thông Hội	V.07.04.32	2	2,67	01/09/2022	3	3	01/09/2024	12		CSTĐCS NH 2021-2022; LĐTT NH 2022-2023;
306	Nguyễn Hoài Hân	01/11/1994	x	Giáo viên	Trường THCS Tân Thông Hội	V.07.04.32	2	2,67	01/08/2022	3	3	01/08/2024	12		CSTĐCS NH 2021-2022; LĐTT NH 2022-2023;
307	Ngô Thị Hồng Sương	01/07/1995	x	Giáo viên	Trường THCS Tân Thông Hội	V.07.04.32	2	2,67	01/12/2022	3	3	01/12/2024	12		CSTĐ NH 2023-2024 (stt 925); LĐTT NH 2022-2023;
308	Thân Lê Hồng Yến	20/12/1972	x	Giáo viên	Trường THCS Tân Tiến	V.07.04.31	3	4,68	01/03/2022	4	5,02	01/03/2024	12		CSTĐCS NH 2019-2020; LĐTT NH 2021-2022;
309	Nguyễn Thị Thu Trang	11/09/1989	x	Giáo viên	Trường THCS Tân Tiến	V.07.04.32	5	3,66	01/10/2022	6	3,99	01/10/2024	12		CSTĐCS NH 2021-2022; LĐTT NH 2022-2023;
310	Huỳnh Thị Hoa	18/06/1973	x	Giáo viên	Trường THCS Tân Tiến	V.07.04.31	3	4,68	01/03/2022	4	5,02	01/03/2024	12		CSTĐCS NH 2023-2024 (stt 3517); LĐTT NH 2022-2023;
311	Trần Thị Vân	02/06/1976	x	Giáo viên	Trường THCS Tân Tiến	V.07.04.31	5	5,36	01/11/2022	6	5,70	01/11/2024	12		CSTĐCS NH 2023-2024 (stt 3506); LĐTT NH 2022-2023;
312	Nguyễn Ngọc Tú	04/03/1976		Hiệu trưởng	Trường THCS Thị trấn	V.07.04.31	4	5,02	01/03/2022	5	5,36	01/03/2024	12		CSTĐCS NH 2021-2022; LĐTT NH 2022-2023;
313	Tô Kim Ngân	04/04/1980	x	Giáo viên	Trường THCS Thị trấn 2	V.07.04.31	3	4,68	01/03/2022	4	5,02	01/03/2024	12		CSTĐCS NH 2022-2023; LĐTT NH 2021-2022;
314	Nguyễn Kim Thoa	09/07/1980	x	Giáo viên	Trường THCS Thị trấn 2	V.07.04.31	3	4,68 ¹⁹	01/03/2022	4	5,02	01/03/2024	12		CSTĐCS NH 2022-2023; LĐTT NH 2021-2022;

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã ngạch hoặc mã CDN	Bậc, hệ số lương hiện hưởng			Bậc, hệ số lương đề nghị			Số tháng NLTH	Thành tích
							Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau	Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
315	Lê Thị Minh Tâm	12/03/1971	x	Giáo viên	Trường THCS Thị trấn 2	V.07.04.31	5	5,36	01/09/2022	6	5,7	01/09/2024	12	CSTĐCS NH 2020-2021; LĐTT NH 2022-2023;
316	Huyền Thị Phương Uyên	24/04/1979	x	Giáo viên	Trường THCS Thị trấn 2	V.07.04.31	4	5,02	01/03/2022	5	5,36	01/03/2024	12	CSTĐCS NH 2022-2023; LĐTT NH 2021-2022;
317	Nguyễn Thị Hào	28/08/1987	x	Giáo viên	Trường THCS Thị trấn 2	V.07.04.31	1	4	01/09/2022	2	4,34	01/09/2024	12	CSTĐCS NH 2021-2022; LĐTT NH 2022-2023;
318	Võ Thị Ngọc Huyền	01/08/1975	x	Giáo viên	Trường THCS Thị trấn 2	V.07.04.31	5	5,36	01/09/2022	6	5,70	01/09/2024	12	CSTĐCS NH 2023-2024 (stt 894); LĐTT NH 2022-2023;
319	Lê Thị Lai	21/11/1979	x	Giáo viên	Trường THCS Thị trấn 2	V.07.04.31	3	4,68	01/03/2022	4	5,02	01/03/2024	12	CSTĐCS NH 2023-2024 (stt 891); LĐTT NH 2022-2023;
320	Võ Ngọc Hà	25/06/1978	x	Giáo viên	Trường THCS Thị trấn 2	V.07.04.31	3	4,68	01/03/2022	4	5,02	01/03/2024	12	CSTĐCS NH 2023-2024 (stt 887); LĐTT NH 2022-2023;
321	Nguyễn Thị Mến	08/01/1978	x	Phó Hiệu trưởng	Trường THCS Trung An	V.07.04.31	4	5,02	01/05/2022	5	5,36	01/05/2024	12	CSTĐCS NH 2019-2020; LĐTT NH 2022-2023;
322	Đặng Thị Kim Ngân	07/07/1993	x	Giáo viên	Trường THCS Trung An	V.07.04.32	2	2,67	01/09/2022	3	3,00	01/09/2024	12	CSTĐCS NH 2023-2024 (stt 1033); LĐTT NH 2022-2023;
323	Trương Thị Hồng Hậu	22/06/1978	x	Giáo viên	Trường THCS Trung An	V.07.04.31	4	5,02	01/03/2022	5	5,36	01/03/2024	12	CSTĐCS NH 2023-2024 (stt 1038); LĐTT NH 2022-2023;
324	Trần Duy Phương	11/10/1979	x	Giáo viên	Trường THCS Trung An	V.07.04.31	3	4,68	01/03/2022	4	5,02	01/03/2024	12	CSTĐCS NH 2023-2024 (stt 1039); LĐTT NH 2022-2023;
325	Nguyễn Văn Tư	16/11/1978		Giáo viên	Trường THCS Trung Lập	V.07.04.31	4	5,02	01/03/2022	5	5,36	01/03/2024	12	CSTĐCS NH 2019-2020; CSTĐCS NH 2020-2021; CSTĐCS NH 2021-2022;
326	Huyền Văn Xếp	10/06/1976		Giáo viên	Trường THCS Trung Lập	V.07.04.31	4	5,02	01/03/2022	5	5,36	01/03/2024	12	CSTĐCS NH 2023-2024 (stt 817); LĐTT NH 2022-2023;
327	Nguyễn Thị Lệ	18/05/1976	x	Giáo viên	Trường THCS Trung Lập	V.07.04.11	8	4,65	01/06/2022	9	4,98	01/06/2024	12	CSTĐCS NH 2023-2024 (stt 812); LĐTT NH 2022-2023;
328	Trang Thành Sư	05/08/1979		Giáo viên	Trường THCS Trung Lập Hạ	V.07.04.31	3	4,68	01/05/2022	4	5,02	01/05/2024	12	CSTĐCS NH 2023-2024 (stt 3316); LĐTT NH 2022-2023;
329	Nguyễn Bảo Trọng	04/12/1989		Trưởng phòng Phòng Đào tạo	Trường THCS Trung Lập Hạ	01.003	3	3,00	01/10/2022	4	3,33	01/10/2024	12	CSTĐCS năm 2020; LĐTT năm 2023;
330	Nguyễn Mạnh Hùng	03/02/1971		Giáo viên	Trường THCS cấp nghề Cù Chi	V.09.02.07	7	4,32	01/05/2022	8	4,65	01/05/2024	12	CSTĐCS năm 2023; LĐTT năm 2022;
331	Ngô Mạnh Tới	21/6/1990		Giáo viên	Trường THCS GDTX	V.07.05.15	4	3,33	01/9/2022	5	3,66	01/09/2024	12	CSTĐCS năm 2023; LĐTT năm học 2021-2022;

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã ngạch hoặc mã CDNN	Bậc, hệ số lương hiện hưởng				Bậc, hệ số lương đề nghị			Số tháng NLTH	Thành tích
							Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau	Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
332	Lê Hoàng Hải	15/02/1991		Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp	Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thông huyện	V.05.02.28	5	2,66	01/01/2023	6	2,86	01/01/2024	12	CSTĐCS năm 2023; CSTĐCS năm 2022; Bằng khen của UBND TP năm 2024: "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 02 năm liên tục (2022,2023), góp phần tích cực trong phong trào thi đua của TP.	
333	Trà Như Nguyễn	20/4/1975	x	Trưởng phòng Văn hóa văn nghệ	Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thông huyện	V.10.07.23	5	3,66	01/5/2022	6	3,99	01/5/2024	12	CSTĐCS năm 2020; Bằng khen của UBND Thành phố năm 2024: "Đã có thành tích xuất sắc trong 10 năm thực hiện Chương trình "tiếng hát nông thôn mới"	
334	Trương Quốc Vương	11/8/1990		Biên tập viên	Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thông huyện	V.11.01.03	3	3,00	01/01/2022	4	3,33	01/01/2024	12	CSTĐCS năm 2023; LĐTT năm 2022;	
335	Phan Ngọc Thuận	18/7/1985		Cán sự	Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thông huyện	01.004	5	3,34	01/10/2022	6	3,65	01/10/2024	12	CSTĐCS năm 2023; LĐTT năm 2022; Bằng khen của Liên đoàn lao động TP năm 2024: "Đã có nhiều thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua "Lao động giỏi, Lao động sáng tạo" cấp TP năm 2024	
336	Lê Thị Thanh An	29/3/1981	x	Cán sự	Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thông huyện	01.004	5	3,34	01/9/2022	6	3,65	01/9/2024	12	CSTĐCS năm 2021; CSTĐCS năm 2022;	
337	Trần Thị Huyền Hoa	31/05/1972	x	Trưởng Trạm Y tế xã Phước Hiệp	Trung tâm Y tế huyện	V.08.01.03	8	4,65	01/04/2022	9	4,98	01/04/2024	12	- Bằng khen UBND TP năm 2022: "Đã có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống dịch Covid-19 tại TP. HCM" - Bằng khen UBND Thành phố năm 2023: "Đã có thành tích xuất sắc trong công tác tại Trạm Y tế trên địa bàn TP góp phần tích cực trong phong trào thi đua của TP"	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã ngạch hoặc mã CDNN	Bậc, hệ số lương hiện hưởng			Bậc, hệ số lương đề nghị			Số tháng NL/TH	Thành tích
							Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau	Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
338	Nguyễn Tấn Chiến	06/02/1970		Trưởng Trạm Y tế xã Trung An	Trung tâm Y tế huyện	V.08.01.03	8	4,65	01/02/2022	9	4,98	01/02/2024	12	- Bằng khen UBND TP năm 2022: "Đã có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống dịch Covid-19 tại TP. HCM" - Bằng khen UBND Thành phố năm 2023: "Đã có thành tích xuất sắc trong công tác tại Trạm Y tế trên địa bàn TP góp phần tích cực trong phòng trào thi đua của TP"
339	Trần Khánh	10/10/1976		Trưởng Trạm Y tế xã Trung Lập Thượng	Trung tâm Y tế huyện	V.08.01.03	5	3,66	01/05/2022	6	3,99	01/05/2024	12	- Bằng khen UBND TP năm 2022: "Đã có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống dịch Covid-19 tại TP. HCM" - Bằng khen UBND Thành phố năm 2023: "Đã có thành tích xuất sắc trong công tác tại Trạm Y tế trên địa bàn TP góp phần tích cực trong phòng trào thi đua của TP"
340	Nguyễn Thị Hồng Hải	17/01/1983	x	Trưởng Trạm Y tế xã Tân Thông Hội	Trung tâm Y tế huyện	V.08.01.03	4	3,33	01/09/2022	5	3,66	01/09/2024	12	- Bằng khen UBND TP năm 2022: "Đã có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống dịch Covid-19 tại TP. HCM" - Bằng khen UBND Thành phố năm 2023: "Đã có thành tích xuất sắc trong công tác tại Trạm Y tế trên địa bàn TP góp phần tích cực trong phòng trào thi đua của TP"
341	Nguyễn Thanh Nhân	06/03/1984		Trưởng Trạm Y tế xã Phước Vĩnh An	Trung tâm Y tế huyện	V.08.01.03	4	3,33	01/10/2022	5	3,66	01/10/2024	12	- Bằng khen UBND TP năm 2022: "Đã có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống dịch Covid-19 tại TP. HCM" - Bằng khen UBND Thành phố năm 2023: "Đã có thành tích xuất sắc trong công tác tại Trạm Y tế trên địa bàn TP góp phần tích cực trong phòng trào thi đua của TP"

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã ngạch hoặc mã CDNN	Bậc, hệ số lương hiện hưởng			Bậc, hệ số lương đề nghị			Số tháng NLTH	Thành tích
							Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau	Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
342	Trần Tấn Định	10/05/1985		Trưởng khoa Khoa Y tế công cộng	Trung tâm Y tế huyện	01.003	6	3,99	01/01/2022	7	4,32	01/01/2024	12	- Bằng khen UBND TP năm 2022: "Đã có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống dịch Covid-19 tại TP. HCM" - CSTĐCS năm 2024
343	Đặng Thị Liên	20/12/1982	x	Bác sĩ hạng III	Trung tâm Y tế huyện	V.08.01.03	4	3,33	01/04/2022	5	3,66	01/04/2024	12	- Bằng khen UBND Thành phố năm 2022: "Đã có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống dịch Covid-19 tại TP. HCM"
344	Nguyễn Thị Kiều Oanh	10/09/1988	x	Phó Trưởng phòng Phòng Tổ chức - Hành chính	Trung tâm Y tế huyện	01.004	5	3,34	15/12/2022	6	3,65	15/12/2024	12	- Bằng khen UBND Thành phố năm 2022: "Đã có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống dịch Covid-19 tại TP. HCM"
345	Võ Ngọc Hiếu	21/04/1989	x	Điều dưỡng hạng III	Trung tâm Y tế huyện	V.08.05.12	4	3,33	01/07/2022	5	3,66	01/07/2024	12	- Bằng khen UBND Thành phố năm 2023: "Đã có thành tích xuất sắc trong công tác tại Trạm Y tế trên địa bàn TP góp phần tích cực trong phòng trào thi đua của TP
346	Lê Thị Kim Hồng	04/05/1988	x	Chuyên viên	Trung tâm Y tế huyện	01.003	4	3,33	01/01/2022	5	3,66	01/01/2024	12	- Bằng khen UBND Thành phố năm 2022: "Đã có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống dịch Covid-19 tại TP. HCM"
347	Phạm Thị Quyên	15/04/1988	x	Điều dưỡng hạng IV	Trung tâm Y tế huyện	V.08.05.13	3	2,72	01/08/2022	4	3,03	01/08/2024	12	- Bằng khen UBND Thành phố năm 2022: "Đã có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống dịch Covid-19 tại TP. HCM"
348	Huỳnh Đức Thọ	18/07/1987		Điều dưỡng hạng III	Trung tâm Y tế huyện	V.08.05.12	3	3,00	01/08/2022	4	3,33	01/08/2024	12	- Bằng khen UBND Thành phố năm 2022: "Đã có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống dịch Covid-19 tại TP. HCM"
349	Nguyễn Ngọc Châu	01/01/1990		Điều dưỡng hạng IV	Trung tâm Y tế huyện	V.08.05.13	5	2,66	01/02/2023	6	2,86	01/02/2024	12	- Bằng khen UBND Thành phố năm 2022: "Đã có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống dịch Covid-19 tại TP. HCM"
350	Phù Thị Mai Thào	13/09/1991	x	Điều dưỡng hạng III	Trung tâm Y tế huyện	V.08.05.12	4	3,33	01/08/2022	5	3,66	01/08/2024	12	- Bằng khen UBND Thành phố năm 2022: "Đã có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống dịch Covid-19 tại TP. HCM"

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã ngạch hoặc mã CDNN	Bậc, hệ số lương hiện hưởng			Bậc, hệ số lương đề nghị			Số tháng NLTH	Thành tích
							Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau	Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
351	Lê Như Lộc	21/01/1981	x	Điều dưỡng hạng IV	Trung tâm Y tế huyện	V.08.05.13	6	3,65	01/01/2022	7	3,96	01/01/2024	12	- Bằng khen UBND Thành phố năm 2022: "Đã có thành tích xuất sắc tiêu biểu năm 2022, có nhiều đóng góp trong thực hiện Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam trên địa bàn TP nhân dịp kỷ niệm 21 năm ngày Gia đình Việt Nam". - Bằng khen UBND Thành phố năm 2021: "Thành tích xuất sắc tham gia hiến máu tình nguyện 20 lần". - Giấy khen SYT năm 2022: "Đã có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống dịch Covid-19 tại TP. HCM".
352	Hồ Minh Thông	01/01/1989		Kỹ sư	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực	13.095	4	3,33	01/05/2022	5	3,66	01/05/2024	12	- EDTT năm 2022 - CSTDCS năm 2023

PHÒNG NỘI VỤ HUYỆN

PHỤ LỤC 2
DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN NÂNG BẬC LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN
DO LẬP THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2024
(Kèm theo Thông báo số 94/TB-PNV ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Trưởng Phòng Nội vụ huyện)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã ngạch hoặc mã CDNN	Bậc, hệ số lương hiện hưởng			Bậc, hệ số lương đề nghị			Số tháng NLTH	Thành tích	Lý do
							Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau	Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau			
1	Võ Thị Diễm Thủy	01/06/1992	x	Chuyên viên	Phòng Tư pháp	01.003	3	3,00	01/10/2022	4	3,33	01/10/2024	12	Giấy khen của Sở Tư pháp Thành phố năm 2022 (01 tháng triển khai thí điểm khai thác, sử dụng dữ liệu số hóa sổ hộ tịch)	Không đảm bảo điều kiện về thành tích
2	Trần Anh Pha	04/01/1981		Phó Chánh Thanh tra	Thanh tra huyện	04.025	6	3,99	01/06/2022	7	4,32	01/06/2024	12	Lao động tiên tiến năm 2022, 2023 Đang đề nghị Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2024	Không đảm bảo điều kiện về thành tích
3	Đỗ Thị Thanh Nga	15/07/1980	x	Tư pháp - Hộ tịch	UBND xã Phước Thạnh	01.003	6	3,99	01/08/2022	7	4,32	01/08/2024	12	Lao động tiên tiến năm 2022 Đang đề nghị Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2024	Không đảm bảo điều kiện về thành tích
4	Liêu Thị Thu Vân	26/05/1973	x	Giáo viên	Trường THCS Tân Thông Hội	V.07.04.31	5	5,36	01/09/2022	6	5,7	01/09/2024	12	LĐTT NH 2022-2023; Giấy chứng nhận giáo viên dạy giỏi cấp huyện NH 2020-2021. Giấy khen của Liên đoàn lao động huyện gương học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh 5 năm (2017-2022)	Không đảm bảo điều kiện về thành tích
5	Trần Minh Châu	16/12/1986		Tư pháp - Hộ tịch	xã Phú Hòa Đông	01.003	3	3	01/05/2022	4	3,33	01/05/2024	12	CSTĐCS năm 2018 LĐTT năm 2022, 2023	Không đảm bảo điều kiện về thành tích: do sử dụng thành tích trước ngày có quyết định nâng bậc lương trước thời hạn gần nhất

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã ngạch hoặc mã CDNN	Bậc, hệ số lương hiện hưởng			Bậc, hệ số lương đề nghị			Số tháng NL/TH	Thành tích	Lý do
							Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau	Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau			
6	Nguyễn Thị Mỹ Sầm	04/5/1977	x	Phó Hiệu trưởng	Trường TH - THCS Tân Trung	V.07.03.28	4	5,02	01/03/2022	5	5,36	01/03/2024	12	CSTBCS NH 2018-2019 (ngày 14/1/2019); LBTT NH 2022-2023;	Không đảm bảo điều kiện về thành tích: do sử dụng thành tích trước ngày có quyết định nâng bậc lương trước thời hạn gần nhất
7	Nguyễn Thị Đan Thanh	20/10/1982	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Thái Mỹ	V.07.03.29	6	3,99	01/10/2022	7	4,32	01/10/2024	12	CSTBCS NH 2018-2019 (ngày 14/1/2019); LBTT NH 2019-2020;	Không đảm bảo điều kiện về thành tích: do sử dụng thành tích trước ngày có quyết định nâng bậc lương trước thời hạn gần nhất
8	Dương Văn Cường	13/07/1996		Bí thư Đoàn TNCS HCM	xã Phú Hòa Đông	01.003	2	2,67	01/10/2023	3	3,00	01/10/2024	12	CSTBCS năm 2023 LBTT năm 2021	Do tiếp nhận vào công chức xã nên thay đổi mốc thời gian nâng bậc lương
9	Phạm Lê Đăng Kiệt	06/03/1994	x	Giáo viên	Trường TH - THCS Tân Trung	V.07.04.32	2	2,67	01/01/2023	3	3	01/01/2025	12	CSTBCS NH 2022-2023; LBTT NH 2021-2022;	Tính thời điểm 31/12/2024, còn thiếu hơn 12 tháng để được nâng bậc lương thường xuyên; không đủ điều kiện về mốc thời gian
10	Võ Thị Phương Hào	20/04/1984	x	Giáo viên	Trường THCS Tân Thành Đông	V.07.04.32	5	3,66	01/04/2022	6	3,99	01/04/2024	12	CSTBCS NH 2021-2022; LBTT NH 2022-2023; CNND và xếp lương sang 3,66 theo QĐ số 1490/QĐ-UBND ngày 05/02/2024.	Không đủ điều kiện do đã hưởng nâng lương trước niên hạn theo QĐ số 605/QĐ-UBND - NL ngày 20/3/2020, hệ số 3.34 dùng để bổ nhiệm CNND và xếp lương sang 3,66 theo QĐ số 1490/QĐ-UBND ngày 05/02/2024.
11	Lê Thị Thảo Uyên	20/05/1989	x	Giáo viên	Trường THCS Tân Thành Đông	V.07.04.32	5	3,66	01/12/2022	6	3,99	01/12/2024	12	CSTBCS NH 2023-2024 (stt 1093); LBTT NH 2022-2023;	Không đủ điều kiện do đang hưởng lương tại thời điểm nâng lương trước thời hạn theo QĐ số 187/QĐ-UBND ngày 27/3/2023 đang hưởng nâng lương trước thời hạn tại thời điểm hệ số 3,66
12	Huỳnh Thị Ngọc Túy	27/11/1990	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Hòa Phú	V.07.03.29	4	3,33	01/09/2022	5	3,66	01/09/2024	12	CSTBCS NH 2020-2021; CSTBCS NH 2021-2022;	Không đủ điều kiện do đang hưởng lương tại thời điểm nâng lương trước thời hạn theo QĐ 247/QĐ-UBND - NL ngày 14/02/2023 (đang hưởng nâng lương trước thời hạn tại thời điểm hệ số 3.03 sang 3.33)
13	Lê Thị Kim Loan	15/12/1976	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Phú Hòa Đông 2	V.07.03.29	5	3,66	01/01/2023	6	3,99	01/01/2025	12	CSTBCS NH 2021-2022; CSTBCS NH 2022-2023;	Không đủ điều kiện do đang hưởng lương tại thời điểm nâng lương trước thời hạn theo QĐ 325/QĐ-UBND - NL ngày 14/02/2023 (đang hưởng nâng lương trước thời hạn tại thời điểm hệ số 3.34 sang 3.66)
14	Nguyễn Thị Mộng Thành	03/11/1996	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Phước Hiệp	V.07.03.29	1	2,34	01/10/2022	2	2,67	01/10/2024	12	Bảng kê của UBND TP, ngày 13/9/2023	Không đủ điều kiện do đang hưởng lương tại thời điểm nâng lương trước thời hạn theo QĐ 387/QĐ-UBND - NL ngày 14/02/2023 (đang hưởng nâng lương trước thời hạn tại thời điểm hệ số 2.26 sang 2.34)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã ngạch hoặc mã CDNN	Bậc, hệ số lương hiện hưởng			Bậc, hệ số lương đề nghị			Thành tích	Lý do
							Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau	Bậc	Hệ số	Mốc thời gian nâng lương lần sau		
15	Ngô Thị Thu Hiền	13/02/1995	x	Giáo viên	Trường Tiểu học Phước Hiệp	V.07.03.29	1	2,34	01/12/2022	2	2,67	01/12/2024	CSTĐCS NH 2022-2023; LĐTTH NH 2022-2023;	Không đủ điều kiện do đang hưởng lương tại thời điểm nâng lương trước thời hạn theo QĐ 388/QĐ-UBND - NL ngày 14/02/2023 (đang hưởng nâng lương trước thời hạn tại thời điểm hệ số 2,26 sang 2,34)
16	Huỳnh Văn Hùng	06/04/1985		Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Thành	V.07.03.29	5	3,66	01/10/2022	6	3,99	01/10/2024	CSTĐCS NH 2023-2024; LĐTTH NH 2023-2024;	Không đủ điều kiện do đang hưởng lương tại thời điểm nâng lương trước thời hạn theo QĐ 170/QĐ-UBND - NL ngày 23/02/2023 (đang hưởng nâng lương trước thời hạn tại thời điểm hệ số 3,34 sang 3,66)
17	Trần Quang Thái	17/08/1979		Chủ tịch UBND	xã Bình Mỹ	01.003	7	4,32	01/11/2022	8	4,65	01/11/2024	- Bằng khen của UBND Thành phố năm 2021 - CSTĐCS năm 2023	Trong thời gian giữ bậc lương hiện hưởng có thiếu sót, sai phạm trong thực hiện nhiệm vụ, có văn bản phê bình của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện
18	Nguyễn Ngọc Lam	21/04/1986	x	Chủ tịch UBND	xã Phạm Văn Cội	01.003	5	3,66	01/6/2022	6	3,99	01/6/2024	- CSTĐCS năm 2021, 2022	Trong thời gian giữ bậc lương hiện hưởng có thiếu sót, sai phạm trong thực hiện nhiệm vụ, có văn bản phê bình của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện

PHÒNG NỘI VỤ HUYỆN

